

PHAN THANH LONG (Chủ biên)
ĐÀM THỊ VÂN ANH – LÊ XUÂN PHẤN

MODULE THPT

30

**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ
RÈN LUYỆN ĐẠO ĐỨC
CỦA HỌC SINH
TRUNG HỌC PHỔ THÔNG**



A. GIỚI THIỆU TỔNG QUAN

Đánh giá kết quả giáo dục học sinh nói chung và đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh nói riêng là một khâu trong quá trình giáo dục học sinh. Đây được xem là một trong những công việc quan trọng.

Tầm quan trọng của công tác này là ở chỗ nếu đánh giá đúng, khách quan và khoa học thì sẽ phản ánh được kết quả quá trình giáo dục đạo đức học sinh, là động lực giúp học sinh nỗ lực vươn lên rèn luyện hoàn thiện nhân cách. Ngược lại, nếu đánh giá không đúng thì hậu quả rất xấu mà hậu quả lớn nhất có thể làm hỏng nhân cách của học sinh.

Thực tế hiện nay cho thấy, trong trường phổ thông, việc đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh còn gặp những khó khăn, vướng mắc. Lí do là đạo đức là cái trừu tượng, rất khó đo đạc, đánh giá một cách rõ ràng chính xác, đạo đức học sinh lại được thể hiện ở trong rất nhiều mối quan hệ phức tạp, trong nhiều hoàn cảnh khác nhau của cuộc sống... Ngoài ra, các tài liệu lí luận về đánh giá đạo đức học sinh vẫn còn hạn chế.

Để giúp cho giáo viên phổ thông có thể thực hiện tốt công tác đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh, module này sẽ làm rõ về vấn đề mục tiêu, nguyên tắc, nội dung, phương pháp và kĩ thuật đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh THPT.



B. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Module này nhằm giúp giáo viên THPT:

- Có kĩ năng xác định mục tiêu đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh;
- Nắm vững được các nguyên tắc đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh;
- Nắm vững được quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo về vấn đề đánh giá, xếp loại hạnh kiểm học sinh;
- Có kĩ năng xây dựng các công cụ đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh;
- Có thái độ nghiêm túc, khách quan, công bằng trong quá trình đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu kiến thức

- Biết rõ tầm quan trọng của việc xác định mục tiêu đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức ở những đối tượng học sinh khác nhau, ở các cấp học khác nhau;
- Nêu được các nguyên tắc đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh THPT;
- Nêu được căn cứ để xác định nội dung đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh;
- Liệt kê được các nội dung cơ bản trong đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh;
- Nêu được quy trình – các bước tiến hành đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh THPT và ý nghĩa của việc thực hiện các bước trong quy trình;

2.2. Mục tiêu kỹ năng

- Có kỹ năng xác định các mục tiêu đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức cho học sinh;
- Quán triệt các nguyên tắc vào quá trình đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh THPT;
- Vận dụng được các nguyên tắc vào trong quá trình xác định nội dung đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức học sinh;
- Xác định được các hành vi cụ thể của học sinh để làm căn cứ đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh;
- Vận dụng được các nguyên tắc đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức học sinh vào trong quá trình sử dụng các phương pháp và kỹ thuật đánh giá;
- Có kỹ năng cơ bản trong đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh THPT như kỹ năng: xử lý các tình huống phát sinh trong đánh giá; xây dựng các phiếu đánh giá; tổ chức cho học sinh tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau;

2.3. Mục tiêu thái độ

- coi trọng việc xác định mục tiêu đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh;
- coi trọng việc quán triệt các nguyên tắc vào quá trình đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh THPT.



C. NỘI DUNG

Module bao gồm 4 nội dung và có dung lượng tương đương 15 tiết, trong đó 10 tiết là thời gian tự học và 5 tiết là thời gian học tập trung (2 tiết học lý thuyết, 3 tiết học thực hành).

Nội dung 1

MỤC TIÊU ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN ĐẠO ĐỨC CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Hoạt động 1: Phân tích ý nghĩa của việc xác định mục tiêu đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh trung học phổ thông

Rèn luyện đạo đức cho học sinh là một nhiệm vụ quan trọng của nhà trường nói chung, trường THPT nói riêng. Cũng như mọi hoạt động khác, rèn luyện đạo đức cho học sinh cần được đánh giá một cách khoa học. Thầy (cô) hãy nêu quan điểm của mình về mục tiêu đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức cho học sinh bằng cách trả lời các câu hỏi dưới đây:

Câu hỏi 1: Thầy (cô) hãy cho biết tại sao cần phải xác định mục tiêu đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh?

Câu hỏi 2: Nếu không xác định mục tiêu đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh thì trong quá trình đánh giá có thể sẽ gặp phải những khó khăn gì?

Thầy (cô) hãy đối chiếu nội dung trả lời các câu hỏi của mình với thông tin dưới đây và tự rút ra kết luận.

THÔNG TIN CUNG CẤP

Đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh là một khâu vô cùng quan trọng không thể thiếu được trong hoạt động giáo dục ở nhà trường THPT. Có rất nhiều định nghĩa về đánh giá trong lĩnh vực giáo dục, tuy nhiên tùy thuộc vào mục đích đánh giá, cấp độ đánh giá và đối tượng đánh giá mà mỗi định nghĩa đều nhấn mạnh hơn vào khía cạnh nào đó của lĩnh vực cần đánh giá.

Có những định nghĩa phản ánh việc đánh giá ở cấp độ chung nhất và nhấn mạnh vào khía cạnh giá trị, coi “đánh giá là sự thu thập và lí giải một cách có hệ thống những bằng chứng dẫn tới sự phán xét về giá trị theo quan điểm hành động” (C.E. Beeby) hay “Đánh giá là đưa ra phán quyết về giá trị của một sự kiện, nó bao hàm việc thu thập thông tin sử dụng trong việc định giá của một chương trình, một sản phẩm, một tiến trình, mục tiêu hay tiềm năng ứng dụng của một cách thức đưa ra nhằm mục đích nhất định” (P.E. Griffin)... Nhiều định nghĩa về đánh giá nhấn mạnh đến sự phù hợp giữa mục tiêu và việc thực hiện, đây là định nghĩa được quan tâm nhiều nhất. Theo R. Tiler, quá trình đánh giá chủ yếu là quá trình xác định mức độ thực hiện các mục tiêu đã đề ra. Có thể đưa ra khái niệm chung về đánh giá trong giáo dục, đó là quá trình xử lí những thông tin thu thập được qua kiểm tra, trên cơ sở đối chiếu với mục tiêu đã xác định, điều kiện thực hiện, kết quả đạt được... Việc đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh THPT có thể được biểu hiện qua thái độ và nhận xét của giáo viên. Đánh giá bằng thái độ là việc bày tỏ sự đồng tình, tán thành, khen ngợi... (đối với những kết quả tích cực) hoặc là sự nhắc nhở, phê bình, chê trách (đối với những kết quả tiêu cực). Đánh giá bằng nhận xét là sự đo kết quả về số lượng và chất lượng được thể hiện qua lời nói hay viết của giáo viên, trong đó, có thể chỉ ra những ưu điểm hay hạn chế của học sinh.

Tuy nhiên, để có thể có được sự đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh THPT một cách chính xác, công bằng và toàn diện thì việc xác định mục tiêu đánh giá là vô cùng quan trọng và có ý nghĩa rất lớn.

Mục tiêu – đó là những tiêu chí, những chỉ tiêu, những yêu cầu, nhiệm vụ cụ thể mà chúng ta cần đạt được sau khi kết thúc một hoạt động nào đó. Mục tiêu đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh phải được thiết kế sao cho thực hiện được chức năng làm cơ sở cho việc đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh một cách chuẩn xác. Mục tiêu có thể coi là một sự rõ ràng, đầy đủ, chứa đựng những kết quả đã dự kiến trước.

Một trong những vai trò quan trọng nhất của các mục tiêu giáo dục là cung cấp những bằng chứng và những tiêu chí để đánh giá. Đánh giá sẽ ít sai sót hơn, ít mang tính ngẫu nhiên hơn khi các mục tiêu được công bố một cách rõ ràng. Mục tiêu có tác dụng hướng dẫn hành động đối với cả giáo viên và học sinh để họ tự xác định vị trí so với mục đích đang theo đuổi. Mager (Pháp) trong cuốn *Xác định như thế nào các mục tiêu sư phạm* (1962) đã diễn đạt ý này trong một câu nói nổi tiếng: “Nếu bạn không chắc chắn về một nơi mà bạn đi đến... bạn có thể lạc đến một nơi khác”. Mục tiêu còn được sử dụng làm căn cứ cho việc lựa chọn các phương pháp, kĩ thuật, phương tiện trong quá trình đánh giá. Mục tiêu đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh THPT nhằm:

- Thông báo về kết quả rèn luyện của các em sau mỗi một giai đoạn nhất định (như cuối kì, cuối năm).
- Xếp thứ tự học sinh hoặc chỉ ra sự tiến bộ của các em trong việc đạt được các mục tiêu rèn luyện đạo đức.
- Thông báo kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh cho gia đình.

Nếu mục tiêu đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh THPT được xác định một cách đúng đắn thì nó sẽ có ý nghĩa vô cùng to lớn:

- Thứ nhất, nó giúp quá trình đánh giá vận hành có chất lượng và hiệu quả, không đi chệch hướng;
- Thứ hai, nó là chuẩn để đánh giá sản phẩm con người mà quá trình giáo dục mang lại, xem sản phẩm này đạt được chuẩn ở mức nào.

Hoạt động 2: Nêu những căn cứ để xác định mục tiêu đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh trung học phổ thông

Thầy (cô) hãy xác định những căn cứ để xác định mục tiêu đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức cho học sinh THPT bằng cách trả lời các câu hỏi dưới đây:

Câu hỏi 1: Khi xác định mục tiêu đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh, chúng ta cần dựa trên những yếu tố nào?

Câu hỏi 2: Trong những yếu tố nói trên, yếu tố nào là quan trọng nhất? Vì sao?

Thầy (cô) hãy đối chiếu nội dung các câu trả lời của mình với những thông tin dưới đây và tự rút ra kết luận.

THÔNG TIN CUNG CẤP

Khi xác định mục tiêu đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh THPT, chúng ta cần dựa trên cơ sở:

- a) *Mục tiêu giáo dục của cấp học.* Mục tiêu của giáo dục trung học phổ thông: “Nhằm giúp học sinh củng cố và phát triển những kết quả của giáo dục Trung học cơ sở, hoàn thiện học vấn phổ thông và những hiểu biết thông thường về kĩ thuật và hương nghiệp để tiếp tục học đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, học nghề hoặc đi vào cuộc sống lao động”.

Tuy nhiên, bên cạnh mục tiêu giáo dục của cấp học, chúng ta cũng cần chú ý đến mục tiêu giáo dục Việt Nam là đào tạo thế hệ trẻ phát triển nhân cách toàn diện có đức, có tài, có trí tuệ thông minh, có lí tưởng thẩm mĩ, có sức khỏe dồi dào, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ lao động và bảo vệ Tổ quốc, tạo nên nhân cách người Việt Nam vừa truyền thống, vừa hiện đại, phù hợp với xu thế phát triển chung của thế giới.

Luật Giáo dục của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, ngày 2 tháng 12 năm 1998 xác định: “Mục tiêu giáo dục là đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khỏe, thẩm mĩ và nghề nghiệp, trung thành với lí tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; hình thành và bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực của công dân, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”. Mục tiêu này cũng được khẳng định lại trong Luật Giáo dục được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá XI, kì họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005.

- b) *Chương trình, kế hoạch giáo dục của cấp học.* Dựa vào khung phân phối chương trình do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành dành cho cấp học THPT, bắt đầu áp dụng từ năm học 2009 – 2010.

b1) *Chương trình giáo dục phổ thông là bản thiết kế tổng thể kế hoạch giáo dục ở trường phổ thông, trong đó xác định rõ mục tiêu, nội dung, quy trình, phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục và đánh giá các kết quả giáo dục.*

Điều 29 của Luật Giáo dục đã ghi: “Chương trình giáo dục phổ thông thể hiện mục tiêu giáo dục phổ thông; quy định chuẩn kiến thức, kĩ năng, phạm vi và cấu trúc nội dung giáo dục phổ thông, phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động giáo dục, cách thức đánh giá kết quả giáo dục đối với mỗi môn học ở mỗi lớp và mỗi cấp học của giáo dục phổ thông”.

Văn bản “chương trình giáo dục” cho cấp học THPT có cấu trúc gồm hai phần: phần thứ nhất: *Những vấn đề chung*; phần thứ hai: *Chương trình các môn học và các hoạt động giáo dục*. Cụ thể như sau:

Phần 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

Phần những vấn đề chung trình bày các nội dung sau đây:

1. Mục tiêu giáo dục cấp học
2. Phạm vi, cấu trúc và yêu cầu đối với nội dung giáo dục cấp học
 - Kế hoạch giáo dục cấp học, phân phối thời gian cho các môn học và cho các hoạt động giáo dục
 - Những yêu cầu đối với nội dung giáo dục cấp học
3. Chuẩn kiến thức, kĩ năng và yêu cầu về thái độ của chương trình giáo dục cấp học
4. Phương pháp và hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục cấp học
5. Đánh giá kết quả giáo dục cấp học

Phần 2. CHƯƠNG TRÌNH CÁC MÔN HỌC VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

Chương trình các môn học và các hoạt động giáo dục được thiết kế cho từng môn, cho từng hoạt động của từng lớp, trình bày các nội dung sau đây:

1. Mục tiêu môn học hay hoạt động giáo dục.
2. Nội dung môn học hay hoạt động giáo dục:
 - Kế hoạch dạy học môn học hay hoạt động giáo dục, phân phối thời gian cụ thể cho từng lớp, từng tuần.
 - Nội dung dạy học hay hoạt động giáo dục cho từng lớp, bao gồm kiến thức, kĩ năng được chi tiết hoá đến từng bài học, từng nội dung hoạt động.
3. Chuẩn kiến thức và kĩ năng môn học hay hoạt động giáo dục.

4. Giải thích, hướng dẫn thực hiện chương trình, trong đó trình bày các vấn đề sau:

- Quan điểm xây dựng chương trình
- Cấu trúc nội dung học tập
- Phương pháp dạy học
- Về đánh giá kết quả học tập của học sinh
- Việc vận dụng chương trình theo vùng miền và theo đối tượng học sinh

b2) *Kế hoạch dạy học* (hay còn gọi là kế hoạch giáo dục) quy định cụ thể về số lượng các môn học và các hoạt động giáo dục, thời lượng cho từng môn học, từng hoạt động giáo dục, cho từng lớp của từng cấp học, đây là cơ sở để thiết kế chương trình cho các môn học và để tổ chức giảng dạy ở trường phổ thông.

Dưới đây là *Kế hoạch giáo dục trung học phổ thông*:

Chương trình giáo dục trung học phổ thông mới ban hành được xây dựng theo hướng phân hoá tổ chức dạy học bằng phân ban kết hợp với tự chọn. Giáo dục THPT có ba ban:

- + Ban *Khoa học tự nhiên* dạy theo chương trình nâng cao đối với bốn môn học: Toán, Vật lí, Hoá học, Sinh học; theo chương trình chuẩn đối với môn học còn lại và có các chủ đề tự chọn.
- + Ban *Khoa học xã hội và nhân văn* dạy theo chương trình nâng cao đối với bốn môn học: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Ngoại ngữ; theo chương trình chuẩn đối với các môn học còn lại và có các chủ đề tự chọn.
- + Ban *Cơ bản* dạy theo chương trình chuẩn đối với tất cả các môn học và có các chủ đề tự chọn được lựa chọn trong tám môn học theo chương trình nâng cao.

c) *Điều lệ nhà trường, nội quy của lớp*. Mỗi nhà trường đều đề ra những điều lệ riêng sao cho phù hợp với điều kiện thực tế, với đối tượng học sinh trường mình và mang tính khả thi cao. Song song với những điều lệ đó, thì ở mỗi lớp, học sinh lại tự đưa ra những nội quy riêng mà tất cả các thành viên trong lớp đều tán thành và thực hiện.

d) *Kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh*. Giáo viên dựa vào kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh trong các năm học trước thông qua nhiều nguồn thông tin khác nhau như học bạ, thầy cô giáo, gia đình, bạn bè,...

Hoạt động 3: Xác định mục tiêu đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức cho học sinh trung học phổ thông

Thầy (cô) đã từng đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh, hãy nhớ lại các mặt đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh, ý nghĩa của nó, yêu cầu khi đánh giá... bằng cách trả lời những câu hỏi dưới đây:

Câu hỏi 1: Theo thầy (cô), trong quá trình đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh, chúng ta cần đề cập đến những mặt nào?

Câu hỏi 2: Việc xác định được mục tiêu có ý nghĩa như thế nào đối với các khâu tiếp theo của quá trình đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh?

Câu hỏi 3: Hãy nêu những yêu cầu đối với việc xác định mục tiêu trong quá trình đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh?

Thầy (cô) hãy đối chiếu nội dung các câu trả lời với những thông tin dưới đây và rút ra kết luận.

THÔNG TIN CUNG CẤP

Trong quá trình đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh, có hai yếu tố ảnh hưởng: Thứ nhất là những yếu tố ngay trong bản thân giáo viên. Chúng bao gồm những quan niệm của giáo viên như: hướng tới kết quả rèn

luyện của học sinh, xem xét sự khác nhau của mỗi học sinh, nâng cao tính tích cực và bồi dưỡng những tình cảm, động cơ trong sáng, lành mạnh của học sinh. Thứ hai là những yếu tố từ bên ngoài như: đánh giá từ nhà trường, từ các cấp quản lý, yêu cầu từ gia đình học sinh. Hai yếu tố này cần thống nhất với nhau, nếu không thống nhất có thể tạo nên những áp lực ảnh hưởng đến kết quả của việc đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh.

- Đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh cần phải căn cứ vào những biểu hiện cụ thể:
 - + Thái độ và hành vi đạo đức;
 - + Ứng xử trong mối quan hệ với thầy, cô giáo, với bạn bè và quan hệ xã hội;
 - + Ý thức phấn đấu vươn lên trong học tập;
 - + Kết quả tham gia lao động, hoạt động tập thể của lớp, của trường và hoạt động xã hội;
 - + Rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh và bảo vệ môi trường.
- Xác định mục tiêu đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh cần đảm bảo một số yêu cầu sau đây:
 - + Mục tiêu có thể được viết một cách rất chi tiết, tỉ mỉ, cũng có thể viết khái quát, chung chung. Tuy nhiên, nếu viết mục tiêu quá chi tiết, vụn vặt sẽ khó khăn và mất thời gian, nếu viết chung chung quá sẽ có ít tác dụng trong việc hướng dẫn đánh giá. Mục tiêu đánh giá nên viết cụ thể ở mức độ vừa phải và nên tập trung vào những vấn đề cơ bản mà học sinh cần phải đạt được trong quá trình rèn luyện đạo đức.
 - + Cũng có thể nêu ra mục tiêu có tính tổng quát và từ đó xác định những mục tiêu cụ thể, chi tiết. Tuy nhiên, mục tiêu được xác định theo cách nào hay cấp độ nào thì những mục tiêu đó cần phải mô tả được những gì mà học sinh sẽ phải biết và phải làm.
 - + Xác định mục tiêu đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh cần hướng vào kết quả cao nhất đồng thời có tính khả thi, đòi hỏi học sinh có thể đạt được với nỗ lực cao nhất.
 - + Xác định các mục tiêu cần phù hợp với quy chế đánh giá xếp loại học sinh do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

ĐÁNH GIÁ NỘI DUNG 1

Câu hỏi: Thầy (cô) hãy xác định mục tiêu đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh sau một học kỳ.

Nội dung 2

NGUYÊN TẮC ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN ĐẠO ĐỨC CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Hoạt động 1: Nêu các căn cứ để xác định các nguyên tắc đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh trung học phổ thông

Thầy (cô) đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh dựa trên những nguyên tắc nhất định. Hãy nêu ra những cơ sở để đề ra những nguyên tắc đó bằng cách trả lời hai câu hỏi dưới đây:

Câu hỏi 1: Hãy chỉ ra những cơ sở để xác định các nguyên tắc đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức cho học sinh THPT?

Câu hỏi 2: Ý nghĩa của việc nắm vững các nguyên tắc đánh giá trong quá trình đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh THPT?

Thầy (cô) hãy đối chiếu nội dung các câu trả lời với những thông tin dưới đây để tự rút ra kết luận.

THÔNG TIN CUNG CẤP

Nguyên tắc, theo tiếng Latinh là “pricipium”, là tư tưởng chỉ đạo, quy tắc cơ bản, yêu cầu cơ bản đối với hoạt động và hành vi. Nguyên tắc là những luận điểm có tính định hướng, được rút ra từ mục đích công việc, từ những quy luật, điều kiện khách quan, cũng như kinh nghiệm hoạt động thực tiễn. Nguyên tắc có giá trị chỉ dẫn các hoạt động phức tạp khi có đông người tham gia. Như vậy, việc xác định được các nguyên tắc đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh THPT là vô cùng ý nghĩa và cần thiết. Nó giúp quá trình đánh giá đi đúng hướng, nhằm đạt được mục tiêu đã đề ra.

Để xây dựng được các nguyên tắc đánh giá thì chúng ta cần dựa vào một số những cơ sở sau đây:

- Mục đích giáo dục nói chung và mục tiêu cụ thể của từng năm học, từng học kì;
- Quy chế đánh giá xếp loại học sinh THPT do Bộ Giáo dục và Đào tạo (ban hành theo Quyết định số 40/2006 QĐ-BGDĐT ngày 05/10/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo);
- Kinh nghiệm xây dựng các nguyên tắc đánh giá;
- Đặc điểm tâm sinh lí học sinh THPT: Đây là giai đoạn đầu của tuổi thanh niên, một số phẩm chất nhân cách đã được định hình. Điều này thể hiện trước hết ở sự phát triển tính độc lập và lòng khát khao tự khẳng định mình tự chịu trách nhiệm về cái “tôi” của mình bằng khả năng quan sát, phân tích, so sánh, tự đánh giá với hoạt động của bạn bè và người lớn. Khi đến tuổi 18, các em học sinh đã có sự trưởng thành về cả thể chất, tinh thần và ý thức của người công dân, họ được quyền bầu cử, ứng cử, cũng có nghĩa là họ được xã hội công nhận là một người lớn – người công dân thực thụ có quyền lợi và nghĩa vụ đối với đất nước. Mọi hành vi, hoạt động của mình phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Ở lứa tuổi này, học sinh THPT còn thể hiện sự tự ý thức về nhu cầu nhận thức, rèn luyện, tự đánh giá các phẩm chất năng lực... trong nhân cách của mình không chỉ theo yêu cầu hiện tại mà cả trong tương lai. Các em có nhu cầu mạnh mẽ về tình bạn và nhóm bạn phù hợp về hứng thú, sở thích trong học tập hoặc trong hoạt động, tạo điều kiện cho quan hệ tình yêu nam nữ phát triển. Tuy nhiên, đây là giai đoạn đầu của tuổi trưởng thành, các yếu tố của nhân cách định hình chưa thật bền vững, các em chưa có cơ hội trải nghiệm nhiều. Do đó, ở một số em có hiện tượng manh động, bột phát, hiếu thắng, chủ quan... dễ dẫn đến những sai lầm trong nhận thức và hành vi văn hoá, đạo đức.

Hoạt động 2: Trình bày, phân tích các nguyên tắc đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh trung học phổ thông

Thầy (cô) đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh dựa trên những nguyên tắc nào? Ý nghĩa, nội dung, yêu cầu quán triệt của mỗi nguyên tắc đó thế nào? Hãy viết ra bằng cách trả lời các câu hỏi dưới đây:

Câu hỏi 1: Trong quá trình đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh THPT, các thầy (cô) thường dựa trên những nguyên tắc nào?

Câu hỏi 2: Hãy phân tích ý nghĩa, nội dung và yêu cầu thực hiện của các nguyên tắc đó.

– Nguyên tắc thứ nhất:

+ Ý nghĩa:

+ Nội dung:

+ Yêu cầu:

– Nguyên tắc thứ hai:

+ Ý nghĩa:

+ Nội dung:

+ Yêu cầu:

– Nguyên tắc thứ ba:

+ Ý nghĩa:

+ Nội dung:

+ Yêu cầu:

– Nguyên tắc thứ tư:

+ Ý nghĩa:

+ Nội dung:

+ Yêu cầu:

Câu hỏi 3: Tại sao phải nắm vững các nguyên tắc này trong quá trình đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh? Nếu chỉ nắm vững một nguyên tắc thì sẽ như thế nào?

Thầy (cô) hãy đối chiếu nội dung trả lời các câu hỏi của mình với những thông tin dưới đây và rút ra kết luận.

THÔNG TIN CUNG CẤP

Trong quá trình đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh, chúng ta cần nắm vững và vận dụng triệt để các nguyên tắc sau đây:

– Nguyên tắc đảm bảo tính toàn diện:

Khi đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh THPT, cần đảm bảo tính toàn diện, đó là đánh giá cả nhận thức, thái độ, động cơ, tình cảm, hành vi và thói quen. Đặc biệt là hành vi của học sinh, vì hành vi là kết quả quan

trọng nhất của quá trình rèn luyện đạo đức của các em. Tránh việc đánh giá một cách hời hợt, hình thức qua “lăng kính chủ quan”... của giáo viên.

- Nguyên tắc đảm bảo tính khách quan, công bằng:

Tính khách quan đòi hỏi những thông tin thu thập được phải đúng như chúng tồn tại trong thực tế, việc đánh giá phải dựa vào nhiều nguồn thông tin khác nhau. Tính khách quan tạo ra sự công bằng giữa các học sinh với nhau. Chúng ta đều biết đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh là một việc không dễ. Bởi lẽ, học sinh thực hiện hành vi của mình ở mọi lúc, mọi nơi, ở nhà trường, ở gia đình và ngoài xã hội; chính vì vậy mà người lớn nói chung và các thầy cô giáo nói riêng không phải bao giờ cũng kiểm soát được. Hơn nữa, việc thực hiện các hành vi trong quá trình tu dưỡng và rèn luyện đạo đức lại phụ thuộc vào những điều kiện, hoàn cảnh, tình huống đa dạng trong cuộc sống thường ngày... Nếu đánh giá một cách công bằng và khách quan thì sẽ nâng cao lòng tự tin ở học sinh, kích thích tính tích cực cá nhân, “gây trạng thái tâm lý lạc quan, phát triển khả năng sáng tạo bên trong của các em”. Đối với tập thể lớp, sự đánh giá công bằng và chính xác của giáo viên sẽ giúp tập thể lớp biết tự điều chỉnh được công tác tổ chức các hoạt động tập thể của mình. Mặt khác, đó cũng là điều kiện, là động lực tăng cường giao lưu tích cực giữa các thành viên với nhau, giúp cho mối quan hệ giữa học sinh với học sinh, giữa thầy và trò ngày một tốt đẹp hơn.

Ngoài ra, mỗi cá nhân học sinh đều có những đặc điểm riêng như hoàn cảnh gia đình, khả năng của bản thân, sức khỏe, kinh nghiệm sống, các mối quan hệ xã hội, môi trường sống... Cho nên, cùng một chuẩn mực hành vi nhưng việc thực hiện có thể không giống nhau ở những học sinh khác nhau về cả hai mặt chủ quan và khách quan. Vì vậy, trong đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh THPT cần tính đến cái riêng của từng cá nhân học sinh. Tránh hiện tượng “cào bằng”, coi mọi học sinh như nhau theo cùng một chuẩn đánh giá.

Giáo viên sẽ mắc sai lầm nếu cho xếp loại hạnh kiểm của học sinh khi chưa có những thông tin đầy đủ, tin cậy, hay có tình không để ý đến chúng. Việc làm này không chỉ vi phạm yêu cầu sư phạm trong quá trình đánh giá mà quan trọng hơn là nó có thể phản tác dụng giáo dục.

- Nguyên tắc đảm bảo tính phát triển và nhân văn:

Nguyên tắc này đòi hỏi giáo viên phải xác định được sự tiến bộ, mức độ phát triển của học sinh qua từng giai đoạn (giữa kì, cuối kì, cuối năm,...) để

khuyến khích, động viên, khích lệ các em cố gắng nỗ lực tự giác thực hiện những hành vi phù hợp với chuẩn mực xã hội. Do đó, khi đánh giá, cần coi trọng, đề cao sự tiến bộ về ý thức, thái độ, hành vi của học sinh (đặc biệt đối với những em chưa ngoan, tự ti, nhút nhát,...), tỏ thái độ hài lòng, đồng tình khi các em làm được những việc tốt theo chuẩn mực quy định, thái độ khoan dung với những hành vi sai trái. Giáo viên cần quan niệm đúng đắn giáo dục là một quá trình có tính lâu dài, đặc biệt là giáo dục đạo đức. Chính vì vậy, đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh đòi hỏi sự kiên nhẫn, bền bỉ, không được nôn nóng của giáo viên qua từng hoạt động, trong những thời điểm khác nhau. Tránh hiện tượng chỉ xem xét mức độ được giáo dục của học sinh mà bỏ qua sự phát triển của các em.

- Nguyên tắc đảm bảo tính chính xác, rõ ràng, công khai, đúng chất lượng:
Nguyên tắc này đòi hỏi giáo viên trong quá trình đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh THPT cần phải rõ ràng, tức là các em phải hiểu được vì sao thầy cô đánh giá mình như vậy. Điều đó có nghĩa là, khi đánh giá học sinh, giáo viên cũng cần giúp học sinh hiểu rõ những mặt tích cực cũng như hạn chế của bản thân trong quá trình rèn luyện và tu dưỡng. Đồng thời vạch ra phương hướng, nêu lên những yêu cầu với thái độ nghiêm túc, tôn trọng các em, với tấm lòng yêu thương các em thật sự. Khi đề ra yêu cầu cho học sinh, không nên đặt quá cao hoặc quá thấp so với khả năng và điều kiện của các em. Nếu yêu cầu quá cao, học sinh không đạt được sẽ tỏ ra nản chí, thiếu tự tin, kém phấn khởi. Nếu yêu cầu quá thấp, học sinh dễ dàng đạt được thì sẽ tạo ra tính chủ quan, tự mãn, làm cho các em thiếu nỗ lực ý chí, thiếu sáng tạo. Cùng với việc đưa ra những yêu cầu, đòi hỏi, giáo viên cần lập kế hoạch giúp đỡ và giám sát học sinh sửa chữa những sai lầm và khắc phục những hạn chế mắc phải. Tránh hiện tượng đánh giá một cách áp đặt từ phía giáo viên.
- Nguyên tắc bảo đảm sự phối hợp các phương pháp, kĩ thuật đánh giá:
Nguyên tắc này đòi hỏi trong quá trình đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh, giáo viên cần phối kết hợp sử dụng một cách đa dạng và linh hoạt các phương pháp, kĩ thuật đánh giá để có thể có được những kết quả chính xác và toàn diện bởi mỗi phương pháp chỉ đánh giá tốt một số mục tiêu nhất định. Tránh việc sử dụng thường xuyên, duy nhất một phương pháp, kĩ thuật đánh giá.
Để lựa chọn các phương pháp, kĩ thuật đánh giá phù hợp, khi đánh giá cần hiểu rõ các phương pháp đánh giá được lựa chọn, hiểu rõ về ưu điểm và hạn chế của phương pháp, biết được sự phù hợp của từng phương

pháp trong việc đánh giá mục tiêu rèn luyện đạo đức của học sinh. Nếu không hiểu rõ các phương pháp và kĩ thuật đánh giá sẽ tốn nhiều thời gian và công sức cho việc đánh giá nhưng kết quả lại kém tin cậy.

- Nguyên tắc đảm bảo sự phối kết hợp các lực lượng giáo dục trong quá trình đánh giá:

Giáo dục là quá trình có nhiều lực lượng tham gia trong đó có ba lực lượng quan trọng nhất là gia đình, nhà trường và các đoàn thể xã hội. Ba lực lượng giáo dục này đều có chung một mục đích là hình thành nhân cách cho thế hệ trẻ. Chính vì vậy, để quá trình giáo dục có thể đạt được những kết quả tốt nhất thì các lực lượng giáo dục không chỉ phải thống nhất về mục đích, yêu cầu, về nội dung giáo dục, phương pháp giáo dục mà còn cần phải có sự thống nhất chung trong quá trình đánh giá. Trong ba lực lượng giáo dục đó thì giáo dục nhà trường đóng vai trò chủ đạo, trong đó giáo viên chủ nhiệm có nhiệm vụ vô cùng quan trọng đó là phối hợp với các lực lượng giáo dục ngoài nhà trường. Giáo viên chủ nhiệm sẽ phối hợp với các giáo viên khác, với Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, với gia đình học sinh tổ chức, nhận xét, đánh giá và xếp loại học sinh vào cuối kì và cuối năm theo nội dung và tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Hoạt động 3: Liên hệ thực tiễn việc vận dụng các nguyên tắc trong quá trình đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh

Câu hỏi 1: Thực tế, trong quá trình đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh, giáo viên thường bỏ qua nguyên tắc nào? Nguyên nhân và hậu quả?

Giáo viên liên hệ thực tế và chia sẻ từ kinh nghiệm của bản thân trong quá trình đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh.

Câu hỏi 2: Quán triệt các nguyên tắc này trong quá trình đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh sau một năm học?

Giáo viên thực hành, vận dụng các nguyên tắc này trong quá trình đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh sau một năm học.

ĐÁNH GIÁ NỘI DUNG 2

- Yêu cầu thầy (cô) liệt kê ra các nguyên tắc đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh THPT.
- Biết vận dụng các nguyên tắc này vào quá trình đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh THPT.

Câu hỏi 3: Bạn hãy nêu những nội dung trong các văn bản, tài liệu có giá trị pháp lý để làm căn cứ cho giáo viên trong quá trình đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh.

Thầy (cô) hãy đối chiếu nội dung những câu trả lời của mình với những thông tin dưới đây và rút ra kết luận:

THÔNG TIN CUNG CẤP

Việc giáo dục học sinh và đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh không phải là một công việc tùy tiện theo ý chủ quan của giáo viên mà cần phải có căn cứ pháp lý. Những căn cứ đó rất quan trọng để công tác giáo dục nói chung và đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh nói riêng không bị lệch định hướng chính trị và lệch mục tiêu giáo dục.

Căn cứ đó là các văn bản, nghị quyết, pháp luật của Đảng và Nhà nước về giáo dục, các hướng dẫn, quy định thực hiện công tác giáo dục, nội quy của nhà trường...

Những căn cứ pháp lý quan trọng cho công tác giáo dục đạo đức học sinh là Luật Giáo dục, các Chỉ thị và Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học, Nội quy, quy định của Nhà trường.

Sau đây có thể nêu một số nội dung cơ bản làm căn cứ cho công tác giáo dục và đánh giá đạo đức học sinh trong trường phổ thông.

- Mục tiêu giáo dục nói chung và mục tiêu giáo dục THPT quy định trong Luật Giáo dục như sau:

“Mục tiêu giáo dục là đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; hình thành và bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực của công dân, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”.

Mục tiêu giáo dục THPT: “Giáo dục trung học phổ thông nhằm giúp học sinh củng cố và phát triển những kết quả của giáo dục trung học cơ sở, hoàn thiện học vấn phổ thông và những hiểu biết thông thường về kỹ thuật và hướng nghiệp, có điều kiện phát huy năng lực cá nhân để lựa

chọn hướng phát triển, tiếp tục học đại học, cao đẳng, trung cấp, học nghề hoặc đi vào cuộc sống lao động”.

- Chỉ thị về nhiệm vụ trọng tâm của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên và giáo dục chuyên nghiệp (năm học 2011 – 2012) có phần như sau: Tăng cường công tác giáo dục toàn diện và quản lý học sinh, sinh viên. Chú trọng và tăng cường giáo dục tư tưởng chính trị, văn hoá truyền thống, đạo đức, lối sống, kĩ năng sống, kĩ năng thực hành, ý thức trách nhiệm xã hội; tổ chức tốt các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao, công tác chăm sóc sức khỏe; chú trọng công tác bảo đảm an ninh, trật tự trường học; giáo dục an toàn giao thông; phòng chống bạo lực, tệ nạn xã hội, tai nạn thương tích, đuối nước, dịch bệnh đối với học sinh, sinh viên.
- *Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục Trung học (Ví dụ: năm học 2011 – 2012 có nội dung như sau):* Thực hiện tích hợp một số nội dung môn học và các hoạt động giáo dục; tích hợp giáo dục đạo đức, học tập và làm theo tám gương đạo đức Hồ Chí Minh, giáo dục phòng chống tham nhũng, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên trong một số môn học theo hướng dẫn riêng của Bộ.
- Trong Điều 3, Điều lệ Trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học có quy định nhiệm vụ và quyền hạn của trường trung học như sau:
Tổ chức giảng dạy, học tập và các hoạt động giáo dục khác của Chương trình giáo dục phổ thông.
- Một căn cứ pháp lí rất quan trọng, trực tiếp đối với việc đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh đó là “Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông”. Điều 3 Quy chế quy định như sau:
 - Về thái độ và hành vi đạo đức;
 - Ứng xử trong mối quan hệ với thầy giáo, cô giáo, với bạn bè và quan hệ xã hội;
 - Ý thức phấn đấu vươn lên trong học tập;
 - Kết quả tham gia lao động, hoạt động tập thể của lớp, của trường và hoạt động xã hội;
 - Rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh và bảo vệ môi trường.

- Kết quả nhận xét các biểu hiện về thái độ, hành vi của học sinh đối với nội dung dạy học môn Giáo dục công dân quy định trong chương trình giáo dục phổ thông cấp THPT, cấp THPT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Hoạt động 2: Liệt kê các nội dung cơ bản để đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh trung học phổ thông

Thầy (cô) hiểu nội dung đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh là gì? gồm những mặt nào? Hãy viết ra những gì mình hiểu, mình đã làm bằng cách trả lời hai câu hỏi dưới đây:

Câu hỏi 1: Thầy (cô) hiểu nội dung đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh THPT là gì?

Câu hỏi 2: Hãy xác định những mặt biểu hiện đạo đức của học sinh THPT cần phải đánh giá.

Thầy (cô) hãy đối chiếu những gì mình vừa viết, vừa trả lời với những thông tin dưới đây và rút ra kết luận:

THÔNG TIN CUNG CẤP

Nội dung đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh THPT là hệ thống thái độ, động cơ và hành vi đạo đức của học sinh được thể hiện trong: ứng xử với thầy giáo, cô giáo, với bạn bè và quan hệ xã hội; phấn đấu vươn lên trong học tập; kết quả tham gia lao động, hoạt động tập thể của lớp, của trường và hoạt động xã hội; rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh và bảo vệ môi trường...

Tóm lại, nội dung đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh THPT chính là hệ thống thái độ, động cơ và hành vi của học sinh được thể hiện qua các mối quan hệ đa dạng và phong phú của cuộc sống.

Việc xác định nội dung để đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh cần đảm bảo tính toàn diện và phù hợp với đối tượng – nghĩa là đánh giá đầy đủ các mặt biểu hiện của đạo đức trong đời sống, hoạt động và các mối quan hệ nhưng cũng cần tập trung vào đánh giá những phẩm chất đạo đức tiêu biểu của học sinh cần phải có.

Nội dung đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức học sinh có thể căn cứ vào phần Nhiệm vụ của học sinh quy định trong Điều lệ Trường Trung học cơ sở, trường Trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, cụ thể như sau:

Học sinh có những nhiệm vụ sau đây:

1. Kính trọng thầy giáo, cô giáo, cán bộ và nhân viên của nhà trường; đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau trong học tập, rèn luyện; thực hiện điều lệ, nội quy nhà trường; chấp hành pháp luật của Nhà nước;
2. Thực hiện nhiệm vụ học tập, rèn luyện theo chương trình, kế hoạch giáo dục của nhà trường;
3. Rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh cá nhân, giữ gìn và bảo vệ môi trường;
4. Tham gia các hoạt động tập thể của trường, của lớp, của Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, giúp đỡ gia đình và tham gia công tác xã hội.
5. Giữ gìn, bảo vệ tài sản của nhà trường, nơi công cộng; góp phần xây dựng, bảo vệ và phát huy truyền thống của nhà trường.

Một số ý kiến của các nhà giáo dục hiện nay cho rằng cần đổi mới việc đánh giá hạnh kiểm học sinh, và cần đánh giá ở các mặt sau:

* *Rèn luyện phẩm chất đạo đức*

Giáo viên chủ nhiệm ghi rõ những phẩm chất nổi trội của học sinh: trung thực, lễ độ, giản dị, khiêm tốn, khoan dung, nhân ái...

* *Ý thức phấn đấu học tập*

Giáo viên chủ nhiệm nhận xét: mức độ chuyên cần, ý thức chủ động sáng tạo, tích cực vượt khó trong học tập...

* *Ý thức tôn trọng nội quy kỉ luật, pháp luật*

Giáo viên chủ nhiệm nhận xét: Về mức độ tôn trọng nội quy kỉ luật của lớp, trường; tôn trọng luật lệ giao thông; ứng xử có văn hoá nơi công cộng; tôn trọng giữ gìn tài sản của lớp, trường, nơi công cộng...

* *Ý thức rèn luyện thân thể, bảo vệ môi trường*

Giáo viên chủ nhiệm nhận xét: Về việc rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh môi trường...

* *Ý thức tham gia hoạt động tập thể, xây dựng tập thể*

Giáo viên chủ nhiệm nhận xét: Học sinh có tích cực tham gia các hoạt động của Đoàn, đội, của trường lớp; tinh thần đoàn kết đấu tranh xây dựng tập thể tổ, lớp, tinh thần hợp tác, giúp đỡ bạn bè...

Hoạt động 3: Các biểu hiện phẩm chất đạo đức của học sinh trung học phổ thông được đánh giá

Những phẩm chất đạo đức ở học sinh nào cần được đánh giá? Tại sao? Thầy (cô) cho biết ý kiến của mình bằng cách trả lời các câu hỏi dưới đây:

Câu hỏi 1: Từ các mặt thể hiện đạo đức của học sinh THPT, thầy (cô) hãy liệt kê các phẩm chất thể hiện kết quả rèn luyện đạo đức học sinh cần phải đánh giá và tại sao bạn lựa chọn các phẩm chất đó để đánh giá.

Câu hỏi 2: Từ các phẩm chất đạo đức cần đánh giá, hãy nêu ra các biểu hiện và hành vi cụ thể của học sinh để thể hiện phẩm chất đó.

Câu hỏi 3: Có quan niệm cho rằng: đánh giá phẩm chất đạo đức học sinh cần phải đánh giá ở 3 mặt là nhận thức, thái độ và hành vi. Thầy (cô) có đồng ý với quan điểm trên hay không? Tại sao?

Thầy (cô) hãy đối chiếu ý kiến của mình với những thông tin dưới đây và rút ra kết luận.

THÔNG TIN CUNG CẤP

Từ các mặt thể hiện đạo đức của học sinh cần phải tiếp tục nêu rõ các hành vi đạo đức của học sinh, cụ thể là:

- Luôn kính trọng người trên, thầy giáo, cô giáo, cán bộ và nhân viên nhà trường; thương yêu và giúp đỡ các em nhỏ tuổi; có ý thức xây dựng tập thể, đoàn kết với các bạn, được các bạn tin yêu;
- Tích cực rèn luyện phẩm chất đạo đức, có lối sống lành mạnh, trung thực, giản dị, khiêm tốn;
- Hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ học tập, cố gắng vươn lên trong học tập;
- Thực hiện nghiêm túc nội quy nhà trường; chấp hành tốt luật pháp, quy định về trật tự, an toàn xã hội, an toàn giao thông; tích cực tham gia đấu tranh, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội và tiêu cực trong học tập, kiểm tra, thi cử;
- Tích cực rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh và bảo vệ môi trường;
- Tham gia đầy đủ các hoạt động giáo dục quy định trong Kế hoạch giáo dục, các hoạt động chính trị, xã hội do nhà trường tổ chức; tích cực tham gia các hoạt động của Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; chăm lo giúp đỡ gia đình;
- Có thái độ và hành vi đúng đắn trong việc rèn luyện đạo đức, lối sống theo nội dung môn Giáo dục công dân.

ĐÁNH GIÁ NỘI DUNG 3

Câu hỏi 1: Nội dung đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức học sinh là gì?

Câu hỏi 2: Hãy liệt kê các nội dung đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh.

Câu hỏi 3: Khi xác định các nội dung đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh cần đảm bảo tuân thủ nguyên tắc nào?

Nội dung 4

PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN ĐẠO ĐỨC CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Hoạt động 1: Xác định phương pháp đánh giá và xây dựng quy trình đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh trung học phổ thông

Thầy (cô) thường đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh bằng cách nào? theo quy trình ra sao? Hãy nêu những suy nghĩ và thực tiễn đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh mà thầy (cô) đã làm bằng cách trả lời những câu hỏi dưới đây:

Câu hỏi 1: Theo thầy (cô), để đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức học sinh thì ai là người có quyền để đánh giá? Làm thế nào để người đánh giá có thể đưa ra đánh giá chính xác?

Câu hỏi 2: Thầy (cô) hãy liệt kê các bước, các công việc cần phải làm trong quá trình đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh THPT.

Câu hỏi 3: Thầy (cô) hãy sắp xếp các bước, các công việc đó theo một trình tự hợp lí và giải thích tại sao thầy (cô) lại sắp xếp như vậy.

Câu hỏi 4: Thầy (cô) hãy nêu chủ thể phụ trách chính, ý nghĩa và mục tiêu cụ thể của mỗi bước trong quy trình đánh giá đạo đức của học sinh THPT.

Thầy (cô) hãy đối chiếu nội dung các câu trả lời với những thông tin dưới đây và rút ra kết luận.

THÔNG TIN CUNG CẤP

Theo quy định về đánh giá học sinh thì giáo viên chủ nhiệm được quyền:

- Đánh giá, xếp loại hạnh kiểm và học lực từng học kì, cả năm học của học sinh. Lập danh sách học sinh đề nghị cho lên lớp, không được lên lớp; học sinh được công nhận là học sinh giỏi, học sinh tiên tiến; học sinh phải kiểm tra lại các môn học, học sinh phải rèn luyện về hạnh kiểm trong kì nghỉ hè.
- Lập danh sách học sinh đề nghị khen thưởng cuối học kì, cuối năm học.
- Ghi vào sổ gọi tên và ghi điểm và vào học bạ các nội dung sau đây:
 - a) Kết quả đánh giá, xếp loại hạnh kiểm và học lực của học sinh;
 - b) Kết quả được lên lớp hoặc không được lên lớp, công nhận học sinh giỏi, học sinh tiên tiến học kì, cả năm học, được lên lớp sau khi kiểm tra lại hoặc rèn luyện hạnh kiểm trong kì nghỉ hè;

c) Nhận xét đánh giá kết quả rèn luyện toàn diện của học sinh.

Tuy nhiên, để việc đánh giá đạo đức, hạnh kiểm của học sinh được chính xác thì giáo viên phải dựa vào nhiều nguồn thông tin từ nhiều phía khác nhau.

Việc đánh giá cần để cho mỗi cá nhân học sinh tự kiểm điểm, tự đánh giá theo các tiêu chí và sau đó mang ra tập thể lớp để đánh giá từng thành viên học sinh, việc đánh giá cần tham khảo thêm ý kiến của giáo viên các bộ môn và của đoàn thanh niên.

Sau đây là quy trình đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh, giáo viên có thể tham khảo quy trình này để đánh giá được toàn diện và khách quan.

Bước	Nội dung và cách thực hiện	Sản phẩm	Người thực hiện	Ghi chú
1. Xác định nội dung đánh giá	Xác định các nội dung đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh, kế hoạch đánh giá	Biên bản về nội dung và kế hoạch đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh	Ban giám hiệu, Hội đồng trường, các giáo viên chủ nhiệm, đại diện đoàn thanh niên và cha mẹ học sinh	
2. Xây dựng phiếu đánh giá	Xây dựng phiếu đánh giá, trong đó có các tiêu chí đánh giá, mức điểm cho mỗi tiêu chí, quy định mức độ hạnh kiểm theo số điểm	Phiếu đánh giá đạo đức, hạnh kiểm học sinh ở các mặt, thang điểm đánh giá	Ban giám hiệu, Hội đồng trường, các giáo viên chủ nhiệm, đại diện đoàn thanh niên	
3. Tiến hành đánh giá	Đánh giá tại lớp: Cá nhân học sinh tự kiểm điểm về những ưu, khuyết điểm của mình và tự đánh giá, xếp loại.	Biên bản nội dung và kết quả họp lớp để đánh giá	Học sinh lớp đánh giá và giáo viên chủ nhiệm	

Bước	Nội dung và cách thực hiện	Sản phẩm	Người thực hiện	Ghi chú
	<p>Tổ trưởng điều hành để bình xét, xếp loại các thành viên trong tổ. Sau đó ghi thành bảng tổng hợp (có chữ kí của Tổ trưởng) nộp cho Lớp trưởng.</p> <p>Lớp trưởng tổng hợp bảng xếp loại của các tổ, thông qua tập thể lớp để thống nhất về xếp loại của từng học sinh. Lớp phải ghi biên bản về việc bình xét, xếp loại hạnh kiểm. Sau đó Lớp trưởng thu toàn bộ bảng tổng hợp của từng tổ và biên bản nộp cho GVCN.</p>			
4. Tham khảo ý kiến GVBM và các thành viên khác	GVCN dán kết quả dự kiến xếp loại hạnh kiểm của lớp lên bảng thông báo chung của nhà trường để lấy ý kiến của các GVBM và các thành viên khác trong Hội đồng (Thời gian khoảng 1 – 2 ngày).	Thông báo kết quả đánh giá tại lớp		
5. Điều chỉnh xếp loại sau khi tham khảo GVBM và người khác	GVCN tiếp thu và điều chỉnh việc xếp loại hạnh kiểm của một số học sinh mà các GVBM và các thành viên khác trong trường có ý kiến góp ý thêm (nếu có).	Các ý kiến góp ý	GVCN	
6. Trình Hiệu trưởng phê duyệt	Trình Hiệu trưởng nhà trường duyệt kết quả đánh giá.	Hiệu trưởng phê duyệt kết quả		

Bước	Nội dung và cách thực hiện	Sản phẩm	Người thực hiện	Ghi chú
7. Ghi kết quả đánh giá đã được duyệt vào học bạ	Giáo viên chủ nhiệm căn cứ vào kết quả đánh giá để ghi nhận xét vào học bạ của từng học sinh.	Giáo viên nhận xét cho mỗi em và ghi vào học bạ.	Giáo viên chủ nhiệm	
8. Thông báo kết quả đánh giá	Thông báo kết quả xếp loại hạnh kiểm đã được duyệt cho học sinh và gia đình học sinh biết trong giờ sinh hoạt lớp và trong cuộc họp cuối học kì, cuối năm.	Cha mẹ học sinh và HS biết kết quả rèn luyện	Giáo viên chủ nhiệm mời họp	

Chú ý:

Sau khi có kết quả đánh giá, cần sử dụng kết quả đó phục vụ cho các hoạt động giáo dục tiếp theo để việc đánh giá thực sự có ý nghĩa. Việc sử dụng kết quả đánh giá cần làm theo các quy định ban hành của Bộ và của Nhà trường.

Để có thông tin, căn cứ cho việc đánh giá thì cần có sổ theo dõi quá trình học tập và công tác của học sinh.

Đầu năm học cần phổ biến cho học sinh nội quy của nhà trường, quy chế và tiêu chí đánh giá, thời gian đánh giá để cho giáo viên, học sinh biết và thực hiện theo.

Khi nhận xét, đánh giá học sinh trong học bạ, giáo viên chủ nhiệm phải ghi nhận xét chi tiết về từng học sinh bao gồm các nội dung:

- Kết quả đạt được và ưu điểm của từng mặt;
- Những mặt nào còn hạn chế;
- Có những lời khen, động viên để khẳng định những kết quả của học sinh;
- Đưa ra lời khuyên, phương hướng, biện pháp để học sinh tiếp tục phấn đấu.

Khi học sinh tự kiểm điểm cần có bản tự kiểm điểm, sau đây là mẫu bản tự kiểm điểm:

TRƯỜNG THPT
Lớp:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**BẢN TỰ KIỂM ĐIỂM CỦA HỌC SINH TRONG QUÁ TRÌNH RÈN LUYỆN
ĐẠO ĐỨC VÀ VIỆC THỰC HIỆN NỀ NẾP, NỘI QUY NHÀ TRƯỜNG**

Kính gửi: Cô (thầy) chủ nhiệm lớp:

Em tên là:, thuộc tổ:, lớp:

Qua kết quả rèn luyện ở HKI (HKII) năm học
vừa qua, nay em tự kiểm điểm như sau:

1. Việc rèn luyện đạo đức, tác phong:

a. Ưu điểm:

b. Khuyết điểm: (Nêu rõ các hiện tượng vi phạm về việc thực hiện nề nếp, tác phong như:

- Số lần không thực hiện đồng phục, dày dép, đầu tóc, lô gô, băng tên, huy hiệu đoàn.
- Số lần hút thuốc, uống rượu, đánh bài, chơi game...;
- Vi phạm về trực nhật, vệ sinh, bảo vệ môi trường...;
- Số lần làm hư hỏng tài sản nhà trường và xâm hại tài sản của bạn bè, của nhân dân...;
- Số lần gây gỗ, đánh nhau làm ảnh hưởng an ninh trật tự công cộng, ảnh hưởng uy tín, danh dự của lớp, của trường...;
- Số lần vi phạm luật giao thông và các tệ nạn xã hội khác...;
- Số lần đóng học phí và các khoản không đúng thời gian quy định
- Ý thức, thái độ trong giờ chào cờ, giờ sinh hoạt hướng nghiệp, học nghề phổ thông..

2. Việc học tập:

a. Ưu điểm:

b. Khuyết điểm: Nêu rõ các hiện tượng vi phạm như:

- Việc chuẩn bị sách vở, cặp, tập nháp, bì giấy kiểm tra;
- Số buổi vắng học; số buổi đi học trễ; số lần bỏ tiết và ở những môn nào?
- Việc học và làm bài ở nhà; số lần không thuộc bài và không chuẩn bị bài ở nhà;

- Về ý thức và thái độ học tập trên lớp;
 - Ý thức, thái độ trong các giờ học phụ đạo.
- c. Chất lượng học tập: (Nêu rõ các môn học có kết quả yếu kém và nguyên nhân vì sao yếu, kém các môn đó)
3. Tự đánh giá và xếp loại Hạnh kiểm ở HKI (HKID): Đạt loại gì (Một trong 4 loại Tốt, Khá, Trung bình, Yếu)

....., ngày tháng năm 200.....

(Học sinh kí và ghi rõ họ tên)

KẾT QUẢ XẾP LOẠI CỦA TỔ

Qua bản tự kiểm điểm và các ý kiến góp ý, tập thể tổ lớp thống nhất xếp loại hạnh kiểm bạn: Đạt loại: trong HKI (HKID) năm học

T/M Tổ

Tổ trưởng

(Kí và ghi rõ họ tên)

Khi đánh giá tại lớp cần có biên bản buổi đánh giá. Sau đây là mẫu gợi ý cho việc ghi biên bản đánh giá:

SỞ GD&ĐT CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG THPT Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỌP XÉT HẠNH KIỂM

Lớp Học kì

- Năm học: 20..... - 20.....
- Thời gian: Vào lúc giờ phút, ngày tháng năm
- Địa điểm: Tại phòng học số Lớp:
- Thành phần gồm: Thầy/Cô: là GVCN và HS (vắng HS, gồm:)

NỘI DUNG

1. Giáo viên chủ nhiệm thông qua quy chế xếp loại và các quy định về xếp loại hạnh kiểm.

2. Các Tổ trưởng báo cáo kết quả xếp loại các thành viên trong tổ:

TỔ	Số HS	KẾT QUẢ XẾP LOẠI			
		Loại TỐT	Loại KHẢ	Loại TB	Loại YẾU
...					
Tổng					

3. Ý kiến bàn bạc, thảo luận:

.....

4. Kết quả sau khi thảo luận:

Sau khi bàn bạc, thảo luận, giáo viên chủ nhiệm và tập thể học sinh đi đến thống nhất:

– Điều chỉnh loại hạnh kiểm của các học sinh sau:

TT	Họ tên HS	Từ loại	Thành loại	Lí do điều chỉnh
1				
...				

– Học sinh xếp loại hạnh kiểm YẾU và TRUNG BÌNH gồm:

TT	Họ tên HS	Xếp loại	Lí do xếp loại
1			
...			

– Tổng hợp kết quả xếp loại cuối cùng:

Tổng số HS được xếp loại	Loại TỐT	Loại KHẢ	Loại TB	Loại YẾU

Cuộc họp kết thúc vào hồi giờ phút cùng ngày.

Thu kí

T/M. Tập thể học sinh

Giáo viên chủ nhiệm

LỚP TRƯỞNG

Hoạt động 2: Xây dựng các tiêu chí, thang điểm để xếp loại đạo đức học sinh trung học phổ thông

Thầy (cô) đã từng đánh giá, xếp loại đạo đức của học sinh. Dựa trên những tiêu chí nào để thầy (cô) xếp loại học sinh có hạnh kiểm tốt; khá; trung bình; yếu? Hãy viết ra những tiêu chí xếp loại mà thầy (cô) đã sử dụng khi đánh giá xếp loại đạo đức (hạnh kiểm) của học sinh bằng cách trả lời các câu hỏi dưới đây:

Câu hỏi 1: Hiện nay, xếp loại đạo đức học sinh được chia làm mấy loại, căn cứ để xếp loại?

– Loại Tốt:

– Loại Khá:

– Loại Trung bình:

– Loại Yếu:

Câu hỏi 2: Từ nội dung đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh đã được xác định và các căn cứ xếp loại đạo đức học sinh, thầy (cô) hãy thiết kế một phiếu đánh giá chi tiết để đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức học sinh. Phiếu đó phải đảm bảo các yêu cầu nào?

Câu hỏi 3: Làm thế nào để có thể hoàn thiện được phiếu đánh giá đồ và phiếu đồ được chấp nhận sử dụng để làm công cụ đánh giá chính thức trong trường của thầy (cô)?

Thầy (cô) hãy đối chiếu nội dung những câu trả lời với những thông tin dưới đây và rút ra kết luận.

THÔNG TIN CUNG CẤP

Hiện nay, việc đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức học sinh được thực hiện theo Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông. Theo Quy chế thì các tiêu chí đánh giá và xếp loại hạnh kiểm được quy định như sau:

Điều 4. Tiêu chuẩn xếp loại hạnh kiểm

1. Loại Tốt:

- a) Thực hiện nghiêm túc nội quy nhà trường; chấp hành tốt luật pháp, quy định về trật tự, an toàn xã hội, an toàn giao thông; tích cực tham gia đấu tranh với các hành động tiêu cực, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội;
- b) Luôn kính trọng thầy giáo, cô giáo, người lớn tuổi; thương yêu và giúp đỡ các em nhỏ tuổi; có ý thức xây dựng tập thể, đoàn kết, được các bạn tin yêu;
- c) Tích cực rèn luyện phẩm chất đạo đức, có lối sống lành mạnh, giản dị, khiêm tốn; chăm lo giúp đỡ gia đình;

- d) Hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ học tập, có ý thức vươn lên, trung thực trong cuộc sống, trong học tập;
- đ) Tích cực rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh và bảo vệ môi trường;
- e) Tham gia đầy đủ các hoạt động giáo dục, các hoạt động do nhà trường tổ chức; tích cực tham gia các hoạt động của Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;
- g) Có thái độ và hành vi đúng đắn trong việc rèn luyện đạo đức, lối sống theo nội dung môn Giáo dục công dân.

2. Loại Khá:

Thực hiện được những quy định tại Khoản 1 Điều này nhưng chưa đạt đến mức độ của loại tốt; còn có thiếu sót nhưng kịp thời sửa chữa sau khi thầy giáo, cô giáo và các bạn góp ý.

3. Loại Trung bình:

Có một số khuyết điểm trong việc thực hiện các quy định tại Khoản 1 Điều này nhưng mức độ chưa nghiêm trọng; sau khi được nhắc nhở, giáo dục đã tiếp thu, sửa chữa nhưng tiến bộ còn chậm.

4. Loại Yếu:

Chưa đạt tiêu chuẩn xếp loại trung bình hoặc có một trong các khuyết điểm sau đây:

- a) Có sai phạm với tính chất nghiêm trọng hoặc lặp lại nhiều lần trong việc thực hiện quy định tại Khoản 1 Điều này, được giáo dục nhưng chưa sửa chữa;
- b) Vô lễ, xúc phạm nhân phẩm, danh dự, xâm phạm thân thể của giáo viên, nhân viên nhà trường; xúc phạm danh dự, nhân phẩm của bạn hoặc của người khác;
- c) Gian lận trong học tập, kiểm tra, thi;
- d) Đánh nhau, gây rối trật tự, trị an trong nhà trường hoặc ngoài xã hội; vi phạm an toàn giao thông; gây thiệt hại tài sản công, tài sản của người khác.

Để đánh giá học sinh chính xác, khách quan cần phải có phiếu đánh giá, trong đó có các tiêu chí để đánh giá, phiếu đánh giá này cần được thống nhất trong trường PT và được lãnh đạo nhà trường cho phép sử dụng. Việc có phiếu đánh giá sẽ tránh được tình trạng GVCN đánh giá theo ý chủ quan, tránh được đánh giá không khách quan công bằng.

Sau đây là một số mẫu phiếu, tiêu chí để đánh giá, học sinh căn cứ vào đó để cho điểm, từ điểm số đạt được sẽ phân loại theo 4 mức độ như Quy chế đánh giá quy định.

1. Các lỗi bị trừ điểm

* Nhóm vi phạm: CHUYÊN CẦN

- Nghỉ không phép 01 buổi.
- Đi trễ lần thứ 1 và thứ 2.
- Đi trễ từ 3 lần trở lên.
- Không tham gia các buổi sinh hoạt tập thể, hoạt động giáo dục khác, bỏ lao động nghĩa vụ – CỎ PHÉP.
- Không tham gia các buổi sinh hoạt tập thể, hoạt động giáo dục khác, bỏ lao động nghĩa vụ – KHÔNG PHÉP.

* Nhóm vi phạm: HỌC TẬP

- Không học bài, không làm bài.
- Thiếu dụng cụ học tập.
- Ngồi sai sơ đồ lớp.
- Ngủ trong giờ học.
- Đùa giỡn nói chuyện, làm mất trật tự. Không tập trung trong giờ học, làm việc khác trong giờ học.
- Bị giáo viên mời ra khỏi lớp.
- Trốn học, cúp tiết, trốn chào cờ.
- Hời bài trong khi làm kiểm tra, nhắc bài cho bạn khi lên bảng.
- Giật bài, ném bài cho bạn khi làm bài kiểm tra.
- Mang, sử dụng tài liệu.

* Nhóm vi phạm: TÁC PHONG – TRẬT TỰ

- Tóc dài, tóc nhuộm, tóc vuốt keo, tóc bôm.
- Không phù hiệu, phù hiệu không đúng. Mang túi xách, balô.
- Móng tay để dài, sơn móng tay, móng chân, nam sinh đeo bông tai, đi dép, giày không đúng quy định, áo sơ mi không bỏ trong quần.
- Không mặc đúng đồng phục quy định, áo, váy hay quần không đủ dài (trừ điểm và tịch thu).
- La hét, rượt đuổi; gây mất trật tự trong giờ học Thể dục, Quốc phòng – An ninh; giờ nghỉ trưa và các hoạt động khác trong khuôn viên nhà trường.
- Lên phòng học trong giờ Thể dục.

- Nói tục, chửi thề.
- Mang điện thoại di động, máy nghe nhạc, máy ảnh... vào trường.
- Nghỉ trưa không đúng nơi quy định, ngồi trên hành lang, ghế đá.
- Chạy xe trong sân trường gây mất trật tự, gây ồn ào. Để xe không đúng nơi quy định.
- Vi phạm luật giao thông (làm kiểm điểm & lao động 3 buổi).
- Vi phạm luật giao thông (bị cảnh sát giao thông lập biên bản – lao động 5 buổi).
- * Nhóm vi phạm: VỆ SINH
- Để rác trong hộp bàn, xả rác, vứt rác bừa bãi.
- Ăn uống trong lớp, đem đồ ăn lên hành lang, phòng học.
- HS trực không lau bảng, không tắt đèn, quạt. Không trực vệ sinh lớp.
- Bẻ phá, làm chết, hư cây xanh.
- Không thực hiện lao động nghĩa vụ và lao động bị phạt.
- * Nhóm vi phạm: CÁC LỖI NGHIÊM TRỌNG
- Không thực hiện yêu cầu của thầy (cô) hay phân công của lớp.
- Các hành vi vô lễ với cán bộ – giáo viên – nhân viên – người lớn tuổi.
- Trêu chọc bạn; chia bè nhóm gây xích mích với bạn; tham gia tụ tập gây sự; hăm dọa hay nhờ người khác đe dọa bạn bè.
- Dẫn người lạ vào trường không xin phép.
- Có biểu hiện quan hệ với bạn khác phái không đúng mực, thiếu văn hoá nơi công cộng.
- Lợi dụng tình bạn để thực hiện các hành vi không trong sáng nơi công cộng.
- Vi phạm nghiêm trọng thuần phong mỹ tục, bản sắc văn hoá dân tộc.
- Phá hoại của công như: tài sản, bàn ghế, thiết bị, sổ sách; bảng, tường, nền nhà, cây cảnh... ngoài xử lý hạnh kiểm học sinh phải có trách nhiệm bồi hoàn.
- Có ý che dấu, bao che các biểu hiện tiêu cực của bạn.
- Mang theo hung khí, chất gây nổ, băng đĩa có nội dung xấu, các loại thuốc kích thích, chất gây nghiện, các loại bài, bộ tôm cua,...
- Hút thuốc, mang thuốc vào trường. Đánh bài và các hình thức ăn tiền khác. Nóng nảy, gây gỗ, gây xô xát với bạn. Leo rào.

- Tự phát tán các phiếu quảng cáo, các bướm cho các quán, dịch vụ bên ngoài trong nhà trường hay tổ chức các hoạt động không xin phép nhà trường (nhưng kịp thời khắc phục)...
- Tham gia đánh nhau có thương tích, nhờ người khác đánh bạn; rủ rê bạn bè tham gia các tệ nạn xã hội.
- Tham gia trấn lột, dẫn bạn cho người khác trấn lột; đánh cắp tài sản của người khác.
- Mạo chữ kí của phụ huynh, mượn người giả mạo phụ huynh

2. Các hành vi được cộng điểm

- * Đánh giá về ý thức học tập
 - Đi học đúng giờ.
 - Đi học đầy đủ.
 - Không vi phạm Quy chế thi, kiểm tra.
 - Không thi (kiểm tra) lại môn nào.
- * Ý thức chấp hành nội quy, quy chế của trường
 - Trang phục, bảng tên lên lớp đúng quy định.
 - Tham gia chào cờ, sinh hoạt chính trị, lao động do lớp, trường tổ chức.
 - Chấp hành tốt nội quy ra vào trường, có ý thức giữ gìn vệ sinh và bảo vệ tài sản chung trong trường.
 - Đóng học phí, lệ phí đúng quy định.
 - Không hút thuốc lá, mùi rượu bia, cờ bạc trong trường.
- * Ý thức tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao, phòng chống các tệ nạn xã hội... do Trường, Đoàn trường, Khoa tổ chức
 - Tham gia cổ vũ đầy đủ các hoạt động ngoại khoá của trường, Đoàn Thanh niên.
 - Tham gia trực tiếp hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao của lớp, trường do: Nhà trường, Đoàn Thanh niên tổ chức.
 - Tích cực tham gia các hoạt động phòng, chống ma tuý; phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội.
 - Tham gia đầy đủ sinh hoạt, hội họp lớp, chi đoàn.

- * Về phẩm chất công dân và quan hệ cộng đồng
 - Lễ phép với thầy, cô giáo và cán bộ, nhân viên trong trường.
 - Quan hệ bạn bè đoàn kết thân ái giúp đỡ lẫn nhau; không gây gổ đánh nhau gây mất đoàn kết.
 - Lời nói, cử chỉ hành động thiếu văn hoá trong lớp, trường, nơi công cộng.
 - Quan hệ tốt với nhân dân nơi trường đóng và nơi cư trú, không để ảnh hưởng đến uy tín của bản thân và Nhà trường.
 - Chấp hành tốt Luật giao thông.
 - Tham gia hoạt động từ thiện do Trường và đoàn thanh niên phát động.
- * Về ý thức và kết quả tham gia quản lí lớp, chi đoàn... trong nhà trường
 - Là thành viên đại diện lớp, đoàn thể: Có ý thức tham gia công tác và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Trên đây là các tiêu chí để đánh giá học sinh, việc xây dựng phiếu đánh giá, cho điểm theo tiêu chí, xây dựng phiếu đánh giá theo tiêu chí đó cần được thực hiện sao cho phù hợp với tình hình của từng trường cụ thể.

Để phiếu đánh giá có chất lượng và giá trị sử dụng thì cần phải có sự hợp mặt của các cán bộ quản lí nhà trường, các giáo viên chủ nhiệm, đại diện đoàn thanh niên và đại diện cha mẹ học sinh để thảo luận xây dựng phiếu và được ban giám hiệu phê chuẩn việc sử dụng phiếu.

Phiếu đánh giá có thể được thay đổi, bổ sung cho phù hợp với từng năm học và cho phù hợp với tình hình thực tiễn để đánh giá đảm bảo tính khách quan, công bằng.

Hoạt động 3: Xử lí một số tình huống phát sinh trong quá trình đánh giá đạo đức học sinh trung học phổ thông

Câu hỏi 1: Trong quá trình đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh, thầy (cô) thường gặp phải những khó khăn gì. Hãy nêu một số tình huống cụ thể mà bạn đã gặp.

Câu hỏi 2: Chúng ta hãy lựa chọn những tình huống điển hình và cùng thảo luận để tìm cách giải quyết tối ưu.

Câu hỏi 3: Đối với học sinh khuyết tật, việc đánh giá đạo đức cần phải lưu ý gì?

THÔNG TIN CUNG CẤP

Trong phần này, các giáo viên nêu ra các tình huống gặp phải và lựa chọn các tình huống điển hình để thảo luận tìm cách xử lý.

Khi xử lý các tình huống, cần đảm bảo tính linh hoạt và mềm dẻo, dựa vào quy định của nhà trường để xử lý và xử lý phải đảm bảo mục đích giáo dục, nếu tình huống phức tạp thì cần đưa lên ban giám hiệu nhà trường để giải quyết.

Điều 14. Quy chế đánh giá có quy định:

Đánh giá học sinh khuyết tật

1. Đánh giá học sinh khuyết tật theo nguyên tắc động viên, khuyến khích sự nỗ lực và sự tiến bộ của học sinh là chính.
2. Học sinh khuyết tật có khả năng đáp ứng các yêu cầu của chương trình giáo dục THPT, được đánh giá, xếp loại theo các quy định như đối với học sinh bình thường nhưng có giảm nhẹ yêu cầu về kết quả học tập.

3. Học sinh khuyết tật không đủ khả năng đáp ứng các yêu cầu của chương trình giáo dục THPT, được đánh giá dựa trên sự nỗ lực, tiến bộ của học sinh và không xếp loại đối tượng này.

ĐÁNH GIÁ NỘI DUNG 4

Câu hỏi 1: Hãy nêu các bước trong quá trình đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh.

Câu hỏi 2: Hãy nêu vai trò của giáo viên chủ nhiệm trong quá trình đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh.

Câu hỏi 3: Khi nhận xét kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh cần đảm bảo các nguyên tắc nào? Nêu một số lời nhận xét về kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh mà thầy (cô) cho là đạt tiêu chuẩn.

Câu hỏi 4: Tại sao đối với học sinh khuyết tật cần phải có sự đánh giá khác với học sinh bình thường? Việc làm khác đó có phải là thể hiện thái độ phân biệt đối xử không?



D. KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Tình huống 1: “Em là một học sinh khá trong lớp, trên lớp em tích cực phát biểu xây dựng bài nhưng không biết vì lí do gì em thường bị cô giáo bộ môn Toán bắt bẻ trong bài làm cũng như hành động. Em cũng chỉ học lớp 10 nên một số hành động cũng chưa ý thức hết được, nhưng cô giáo bộ môn Toán lại hình như hơi ghét em. Trong một lần em có vô tình nói lời xúc phạm cô nhưng đó là không cố ý (nhưng cô cũng hay chỉ trích em trong từng việc làm nhỏ), em đã trực tiếp xin lỗi và làm bản kiểm điểm với cô nhưng cô lại không đồng ý và bảo là sẽ cho em hạnh kiểm dưới trung bình...”.

Trong tình huống trên, cô giáo đã vi phạm nguyên tắc gì trong quá trình đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh? Nếu thầy (cô) là giáo viên trong tình huống trên, thầy (cô) sẽ xử lí như thế nào?

Tình huống 2: Có ý kiến cho rằng: “Trong thực tế, không ít thầy cô khi đánh giá hạnh kiểm của học trò rất tùy tiện. Mặt khác, cũng cần phải nói thêm rằng một bộ phận cán bộ quản lí các nhà trường giữa lời nói và việc làm thường không nhất quán nên khi có “sự cố” về việc đánh giá học sinh đều trút gánh nặng lên giáo viên chủ nhiệm, cũng là một nguyên nhân làm cho các thầy cô chủ nhiệm làm việc mang tính chất đối phó, chưa thể hiện tâm huyết của người thầy.”

Thầy (cô) hãy nêu ý kiến của mình và hãy đưa ra các giải pháp giải quyết thực trạng trên.

Tình huống 3: “Xếp loại hạnh kiểm của học sinh nên phụ thuộc vào kết quả học tập.”

Theo thầy (cô) quan điểm này đúng hay sai? Vì sao?



E. PHỤ LỤC, TÀI LIỆU BỔ SUNG

QUY CHẾ

Đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông
*(Ban hành kèm theo Thông tư số: 58/2011/TT-BGDĐT
ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 58/2011/TT-BGDĐT

Hà Nội, ngày 12 tháng 12 năm 2011

THÔNG TƯ

**Ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở
và học sinh trung học phổ thông**

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục; Nghị định số 31/2011/NĐ-CP ngày 11 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Trung học,

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định:

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 01 năm 2012. Thông tư này thay thế Quyết định số 40/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 10 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ

thông và Thông tư số 51/2008/QĐ-BGDĐT ngày 15/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông ban hành kèm theo Quyết định số 40/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 10 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Trung học, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. /.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để báo cáo);
- Ủy ban VHGD TNTNNĐ của Quốc hội (để báo cáo);
- Ban Tuyên giáo Trung ương (để báo cáo);
- Bộ trưởng Phạm Vũ Luận (để báo cáo);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW (để thực hiện);
- Như Điều 3;
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ GD&ĐT;
- Lưu VT, Vụ PC, Vụ GDTrH.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Đã kí

Nguyễn Vinh Hiển

QUY CHẾ

Đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông

*(Ban hành kèm theo Thông tư số: 58/2011/TT-BGDĐT
ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở (THCS) và học sinh trung học phổ thông (THPT) bao gồm: Đánh giá, xếp loại hạnh kiểm; đánh giá, xếp loại học lực; sử dụng kết quả đánh giá, xếp loại; trách nhiệm của giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục và các cơ quan quản lý giáo dục.
2. Quy chế này áp dụng đối với học sinh các trường THCS, trường THPT; học sinh cấp THCS và cấp THPT trong trường phổ thông có nhiều cấp học; học sinh trường THPT chuyên; học sinh cấp THCS và cấp THPT trong trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú.

Điều 2. Mục đích, căn cứ và nguyên tắc đánh giá, xếp loại

1. Đánh giá chất lượng giáo dục đối với học sinh sau mỗi học kỳ, mỗi năm học nhằm thúc đẩy học sinh rèn luyện, học tập.
2. Căn cứ đánh giá, xếp loại của học sinh được dựa trên cơ sở sau:
 - a) Mục tiêu giáo dục của cấp học;
 - b) Chương trình, kế hoạch giáo dục của cấp học;
 - c) Điều lệ nhà trường;
 - d) Kết quả rèn luyện và học tập của học sinh.
3. Bảo đảm nguyên tắc khách quan, công bằng, công khai, đúng chất lượng trong đánh giá, xếp loại hạnh kiểm, học lực học sinh.

Chương II

ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI HẠNH KIỂM

Điều 3. Căn cứ đánh giá, xếp loại hạnh kiểm

1. Căn cứ đánh giá, xếp loại hạnh kiểm:

- a) Đánh giá hạnh kiểm của học sinh căn cứ vào biểu hiện cụ thể về thái độ và hành vi đạo đức; ứng xử trong mối quan hệ với thầy giáo, cô giáo, cán bộ, công nhân viên, với gia đình, bạn bè và quan hệ xã hội; ý thức phấn đấu vươn lên trong học tập; kết quả tham gia lao động, hoạt động tập thể của lớp, của trường và của xã hội; rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh và bảo vệ môi trường;
- b) Kết quả nhận xét các biểu hiện về thái độ, hành vi của học sinh đối với nội dung dạy học môn Giáo dục công dân quy định trong chương trình giáo dục phổ thông cấp THCS, cấp THPT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

2. Xếp loại hạnh kiểm:

Hạnh kiểm được xếp thành 4 loại: Tốt (T), khá (K), trung bình (Tb), yếu (Y) sau mỗi học kì và cả năm học. Việc xếp loại hạnh kiểm cả năm học chủ yếu căn cứ vào xếp loại hạnh kiểm học kì II và sự tiến bộ của học sinh.

Điều 4. Tiêu chuẩn xếp loại hạnh kiểm

1. Loại tốt:

- a) Thực hiện nghiêm túc nội quy nhà trường; chấp hành tốt luật pháp, quy định về trật tự, an toàn xã hội, an toàn giao thông; tích cực tham gia đấu tranh với các hành động tiêu cực, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội;
- b) Luôn kính trọng thầy giáo, cô giáo, người lớn tuổi; thương yêu và giúp đỡ các em nhỏ tuổi; có ý thức xây dựng tập thể, đoàn kết, được các bạn tin yêu;
- c) Tích cực rèn luyện phẩm chất đạo đức, có lối sống lành mạnh, giản dị, khiêm tốn; chăm lo giúp đỡ gia đình;
- d) Hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ học tập, có ý thức vươn lên, trung thực trong cuộc sống, trong học tập;
- đ) Tích cực rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh và bảo vệ môi trường;
- e) Tham gia đầy đủ các hoạt động giáo dục, các hoạt động do nhà trường tổ chức; tích cực tham gia các hoạt động của Đội Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;

g) Có thái độ và hành vi đúng đắn trong việc rèn luyện đạo đức, lối sống theo nội dung môn Giáo dục công dân.

2. Loại khá:

Thực hiện được những quy định tại Khoản 1 Điều này nhưng chưa đạt đến mức độ của loại tốt; còn có thiếu sót nhưng kịp thời sửa chữa sau khi thầy giáo, cô giáo và các bạn góp ý.

3. Loại trung bình:

Có một số khuyết điểm trong việc thực hiện các quy định tại Khoản 1 Điều này nhưng mức độ chưa nghiêm trọng; sau khi được nhắc nhở, giáo dục đã tiếp thu, sửa chữa nhưng tiến bộ còn chậm.

4. Loại yếu:

Chưa đạt tiêu chuẩn xếp loại trung bình hoặc có một trong các khuyết điểm sau đây:

a) Có sai phạm với tính chất nghiêm trọng hoặc lặp lại nhiều lần trong việc thực hiện quy định tại Khoản 1 Điều này, được giáo dục nhưng chưa sửa chữa;

b) Vô lễ, xúc phạm nhân phẩm, danh dự, xâm phạm thân thể của giáo viên, nhân viên nhà trường; xúc phạm danh dự, nhân phẩm của bạn hoặc của người khác;

c) Gian lận trong học tập, kiểm tra, thi;

d) Đánh nhau, gây rối trật tự, trị an trong nhà trường hoặc ngoài xã hội; vi phạm an toàn giao thông; gây thiệt hại tài sản công, tài sản của người khác.

Chương III

ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI HỌC LỰC

Điều 5. Căn cứ đánh giá, xếp loại học lực

1. Căn cứ đánh giá, xếp loại học lực:

a) Mức độ hoàn thành chương trình các môn học và hoạt động giáo dục trong Kế hoạch giáo dục cấp THCS, cấp THPT;

b) Kết quả đạt được của các bài kiểm tra.

2. Học lực được xếp thành 5 loại: Giỏi (G), khá (K), trung bình (Tb), yếu (Y), kém (Kém).

Điều 6. Hình thức đánh giá và kết quả các môn học sau một học kì, cả năm học

1. Hình thức đánh giá:

a) **Đánh giá bằng nhận xét kết quả học tập** (sau đây gọi là đánh giá bằng nhận xét) đối với các môn Âm nhạc, Mĩ thuật, Thể dục.

Căn cứ chuẩn kiến thức, kĩ năng môn học quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông, thái độ tích cực và sự tiến bộ của học sinh để nhận xét kết quả các bài kiểm tra theo hai mức:

- Đạt yêu cầu (Đ): Nếu đảm bảo ít nhất một trong hai điều kiện sau:
 - + Thực hiện được cơ bản các yêu cầu chuẩn kiến thức, kĩ năng đối với nội dung trong bài kiểm tra;
 - + Có cố gắng, tích cực học tập và tiến bộ rõ rệt trong thực hiện các yêu cầu chuẩn kiến thức, kĩ năng đối với nội dung trong bài kiểm tra.
- Chưa đạt yêu cầu (CĐ): Các trường hợp còn lại.

b) **Kết hợp giữa đánh giá bằng cho điểm và nhận xét kết quả học tập** đối với môn Giáo dục công dân:

- Đánh giá bằng cho điểm kết quả thực hiện các yêu cầu về chuẩn kiến thức, kĩ năng và thái độ đối với từng chủ đề thuộc môn Giáo dục công dân quy định trong chương trình giáo dục phổ thông cấp THCS, cấp THPT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;
- Đánh giá bằng nhận xét sự tiến bộ về thái độ, hành vi trong việc rèn luyện đạo đức, lối sống của học sinh theo nội dung môn Giáo dục công dân quy định trong chương trình giáo dục phổ thông cấp THCS, cấp THPT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trong mỗi học kì, cả năm học.

Kết quả nhận xét sự tiến bộ về thái độ, hành vi trong việc rèn luyện đạo đức, lối sống của học sinh không ghi vào sổ gọi tên và ghi điểm, mà được giáo viên môn Giáo dục công dân theo dõi, đánh giá, ghi trong học bạ và phối hợp với giáo viên chủ nhiệm sau mỗi học kì tham khảo khi xếp loại hạnh kiểm.

c) **Đánh giá bằng cho điểm** đối với các môn học còn lại.

d) Các bài kiểm tra được cho điểm theo thang điểm từ điểm 0 đến điểm 10; nếu sử dụng thang điểm khác thì phải quy đổi về thang điểm này.

2. Kết quả môn học và kết quả các môn học sau mỗi học kì, cả năm học:

a) Đối với các môn học đánh giá bằng cho điểm: Tính điểm trung bình môn học và tính điểm trung bình các môn học sau mỗi học kì, cả năm học;

- b) Đối với các môn học đánh giá bằng nhận xét: Nhận xét môn học sau mỗi học kì, cả năm học theo hai loại: Đạt yêu cầu (Đ) và Chưa đạt yêu cầu (CĐ); nhận xét về năng khiếu (nếu có).

Điều 7. Hình thức kiểm tra, các loại bài kiểm tra, hệ số điểm bài kiểm tra

1. Hình thức kiểm tra:

Kiểm tra miệng (kiểm tra bằng hỏi– đáp), kiểm tra viết, kiểm tra thực hành.

2. Các loại bài kiểm tra:

- a) Kiểm tra thường xuyên (KT_{tx}) gồm: Kiểm tra miệng; kiểm tra viết dưới 1 tiết; kiểm tra thực hành dưới 1 tiết;
b) Kiểm tra định kì (KT_{đk}) gồm: Kiểm tra viết từ 1 tiết trở lên; kiểm tra thực hành từ 1 tiết trở lên; kiểm tra học kì (KT_{hk}).

3. Hệ số điểm các loại bài kiểm tra:

- a) Đối với các môn học đánh giá bằng cho điểm: Điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra viết và kiểm tra thực hành từ 1 tiết trở lên tính hệ số 2, điểm kiểm tra học kì tính hệ số 3.
b) Đối với các môn học đánh giá bằng nhận xét: Kết quả nhận xét của các bài kiểm tra đều tính một lần khi xếp loại môn học sau mỗi học kì.

Điều 8. Số lần kiểm tra và cách cho điểm

1. Số lần KT_{đk} được quy định trong kế hoạch dạy học, bao gồm cả kiểm tra các loại chủ đề tự chọn.
2. Số lần KT_{tx}: Trong mỗi học kì một học sinh phải có số lần KT_{tx} của từng môn học bao gồm cả kiểm tra các loại chủ đề tự chọn như sau:
a) Môn học có 1 tiết trở xuống/tuần: Ít nhất 2 lần;
b) Môn học có từ trên 1 tiết đến dưới 3 tiết/tuần: Ít nhất 3 lần;
c) Môn học có từ 3 tiết trở lên/tuần: Ít nhất 4 lần.
3. Số lần kiểm tra đối với môn chuyên: Ngoài số lần kiểm tra quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này, Hiệu trưởng trường THPT chuyên có thể quy định thêm một số bài kiểm tra đối với môn chuyên.
4. Điểm các bài KT_{tx} theo hình thức tự luận là số nguyên, điểm KT_{tx} theo hình thức trắc nghiệm hoặc có phần trắc nghiệm và điểm KT_{đk} là số nguyên hoặc số thập phân được lấy đến chữ số thập phân thứ nhất sau khi làm tròn số.
5. Những học sinh không có đủ số lần kiểm tra theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 điều này phải được kiểm tra bù. Bài kiểm tra bù phải có hình

thức, mức độ kiến thức, kĩ năng và thời lượng tương đương với bài kiểm tra bị thiếu. Học sinh không dự kiểm tra bù sẽ bị điểm 0 (đối với những môn học đánh giá bằng cho điểm) hoặc bị nhận xét mức CĐ (đối với những môn học đánh giá bằng nhận xét). Kiểm tra bù được hoàn thành trong từng học kì hoặc cuối năm học.

Điều 9. Kiểm tra, cho điểm các môn học tự chọn và chủ đề tự chọn thuộc các môn học

1. Môn học tự chọn:

Việc kiểm tra, cho điểm, tính điểm trung bình môn học và tham gia tính điểm trung bình các môn học thực hiện như các môn học khác.

2. Chủ đề tự chọn thuộc các môn học:

Các loại chủ đề tự chọn của môn học nào thì kiểm tra, cho điểm và tham gia tính điểm trung bình môn học đó.

Điều 10. Kết quả môn học của mỗi học kì, cả năm học

1. Đối với các môn học đánh giá bằng cho điểm:

a) Điểm trung bình môn học kì (ĐTB_{mhk}) là trung bình cộng của điểm các bài KT_{tr} , $\text{KT}_{\text{đk}}$ và KT_{hk} với các hệ số quy định tại Điểm a, Khoản 3, Điều 7 Quy chế này:

$$\text{ĐTB}_{\text{mhk}} = \frac{\text{TĐKT}_{\text{tr}} + 2 \times \text{TĐKT}_{\text{đk}} + 3 \times \text{ĐKT}_{\text{hk}}}{\text{Số bài KT}_{\text{tr}} + 2 \times \text{Số bài KT}_{\text{đk}} + 3}$$

- TĐKT_{tr} : Tổng điểm của các bài KT_{tr}
- $\text{TĐKT}_{\text{đk}}$: Tổng điểm của các bài $\text{KT}_{\text{đk}}$
- ĐKT_{hk} : Điểm bài KT_{hk}

b) Điểm trung bình môn cả năm (ĐTB_{mcm}) là trung bình cộng của ĐTB_{mhkI} với $\text{ĐTB}_{\text{mhkII}}$, trong đó $\text{ĐTB}_{\text{mhkII}}$ tính hệ số 2:

$$\text{ĐTB}_{\text{mcm}} = \frac{\text{ĐTB}_{\text{mhkI}} + 2 \times \text{ĐTB}_{\text{mhkII}}}{3}$$

c) ĐTB_{mhk} và ĐTB_{mcm} là số nguyên hoặc số thập phân được lấy đến chữ số thập phân thứ nhất sau khi làm tròn số.

2. Đối với các môn học đánh giá bằng nhận xét:

a) Xếp loại học kì:

- Đạt yêu cầu (Đ): Có đủ số lần kiểm tra theo quy định tại các Khoản 1, 2, 3 Điều 8 và 2/3 số bài kiểm tra trở lên được đánh giá mức Đ, trong đó có bài kiểm tra học kì.
- Chưa đạt yêu cầu (CĐ): Các trường hợp còn lại.

b) Xếp loại cả năm:

- Đạt yêu cầu (Đ): Cả hai học kì xếp loại Đ hoặc học kì I xếp loại CĐ, học kì II xếp loại Đ.
- Chưa đạt yêu cầu (CĐ): Cả hai học kì xếp loại CĐ hoặc học kì I xếp loại Đ, học kì II xếp loại CĐ.

c) Những học sinh có năng khiếu được giáo viên bộ môn ghi thêm nhận xét vào học bạ.

3. Đối với các môn chỉ dạy trong một học kì thì lấy kết quả đánh giá, xếp loại của học kì đó làm kết quả đánh giá, xếp loại cả năm học.

Điều 11. Điểm trung bình các môn học kì, cả năm học

1. Điểm trung bình các môn học kì (ĐTB_{h}) là trung bình cộng của điểm trung bình môn học kì của các môn học đánh giá bằng cho điểm.
2. Điểm trung bình các môn cả năm học (ĐTB_{m}) là trung bình cộng của điểm trung bình cả năm của các môn học đánh giá bằng cho điểm.
3. Điểm trung bình các môn học kì hoặc cả năm học là số nguyên hoặc số thập phân được lấy đến chữ số thập phân thứ nhất sau khi làm tròn số.

Điều 12. Các trường hợp được miễn học môn Thể dục, môn Âm nhạc, môn Mĩ thuật, phần thực hành môn giáo dục quốc phòng – an ninh (GDQP-AN)

1. Học sinh được miễn học môn Thể dục, môn Âm nhạc, môn Mĩ thuật trong chương trình giáo dục nếu gặp khó khăn trong học tập môn học nào đó do mắc bệnh mãn tính, bị khuyết tật, bị tai nạn hoặc bị bệnh phải điều trị.
2. Hồ sơ xin miễn học gồm có: Đơn xin miễn học của học sinh và bệnh án hoặc giấy chứng nhận thương tật do bệnh viện từ cấp huyện trở lên cấp.
3. Việc cho phép miễn học đối với các trường hợp do bị ốm đau hoặc tai nạn chỉ áp dụng trong năm học; các trường hợp bị bệnh mãn tính,

khuyết tật hoặc thương tật lâu dài được áp dụng cho cả năm học hoặc cả cấp học.

4. Hiệu trưởng nhà trường cho phép học sinh được miễn học môn Thể dục, môn Âm nhạc, môn Mỹ thuật trong một học kỳ hoặc cả năm học. Nếu được miễn học cả năm học thì môn học này không tham gia đánh giá, xếp loại học lực của học kỳ và cả năm học; nếu chỉ được miễn học một học kỳ thì lấy kết quả đánh giá, xếp loại của học kỳ đã học để đánh giá, xếp loại cả năm học.

5. Đối với môn GDQP-AN:

Thực hiện theo Quyết định số 69/2007/QĐ-BGDĐT ngày 14/11/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập môn GDQP-AN

Các trường hợp học sinh được miễn học phần thực hành sẽ được kiểm tra bù bằng lý thuyết để có đủ cơ số điểm theo quy định.

Điều 13. Tiêu chuẩn xếp loại học kỳ và xếp loại cả năm học

1. Loại giỏi, nếu có đủ các tiêu chuẩn sau đây:
 - a) Điểm trung bình các môn học từ 8,0 trở lên, trong đó điểm trung bình của 1 trong 2 môn Toán, Ngữ văn từ 8,0 trở lên; riêng đối với học sinh lớp chuyên của trường THPT chuyên phải thêm điều kiện điểm trung bình môn chuyên từ 8,0 trở lên;
 - b) Không có môn học nào điểm trung bình dưới 6,5;
 - c) Các môn học đánh giá bằng nhận xét đạt loại Đ.
2. Loại khá, nếu có đủ các tiêu chuẩn sau đây:
 - a) Điểm trung bình các môn học từ 6,5 trở lên, trong đó điểm trung bình của 1 trong 2 môn Toán, Ngữ văn từ 6,5 trở lên; riêng đối với học sinh lớp chuyên của trường THPT chuyên phải thêm điều kiện điểm trung bình môn chuyên từ 6,5 trở lên;
 - b) Không có môn học nào điểm trung bình dưới 5,0;
 - c) Các môn học đánh giá bằng nhận xét đạt loại Đ.
3. Loại trung bình, nếu có đủ các tiêu chuẩn sau đây:
 - a) Điểm trung bình các môn học từ 5,0 trở lên, trong đó điểm trung bình của 1 trong 2 môn Toán, Ngữ văn từ 5,0 trở lên; riêng đối với học sinh lớp chuyên của trường THPT chuyên phải thêm điều kiện điểm trung bình môn chuyên từ 5,0 trở lên;

- b) Không có môn học nào điểm trung bình dưới 3,5;
 - c) Các môn học đánh giá bằng nhận xét đạt loại Đ.
4. Loại yếu: Điểm trung bình các môn học từ 3,5 trở lên, không có môn học nào điểm trung bình dưới 2,0.
 5. Loại kém: Các trường hợp còn lại.
 6. Nếu ĐTB_{hk} hoặc ĐTB_{m} đạt mức của từng loại quy định tại các Khoản 1, 2 điều này nhưng do kết quả của một môn học nào đó thấp hơn mức quy định cho loại đó nên học lực bị xếp thấp xuống thì được điều chỉnh như sau:
 - a) Nếu ĐTB_{hk} hoặc ĐTB_{m} đạt mức loại G nhưng do kết quả của một môn học nào đó mà phải xuống loại Tb thì được điều chỉnh xếp loại K.
 - b) Nếu ĐTB_{hk} hoặc ĐTB_{m} đạt mức loại G nhưng do kết quả của một môn học nào đó mà phải xuống loại Y thì được điều chỉnh xếp loại Tb.
 - c) Nếu ĐTB_{hk} hoặc ĐTB_{m} đạt mức loại K nhưng do kết quả của một môn học nào đó mà phải xuống loại Y thì được điều chỉnh xếp loại Tb.
 - d) Nếu ĐTB_{hk} hoặc ĐTB_{m} đạt mức loại K nhưng do kết quả của một môn học nào đó mà phải xuống loại Kém thì được điều chỉnh xếp loại Y.

Điều 14. Đánh giá học sinh khuyết tật

1. Đánh giá học sinh khuyết tật theo nguyên tắc động viên, khuyến khích sự nỗ lực và sự tiến bộ của học sinh là chính.
2. Học sinh khuyết tật có khả năng đáp ứng các yêu cầu của chương trình giáo dục THCS, THPT được đánh giá, xếp loại theo các quy định như đối với học sinh bình thường nhưng có giảm nhẹ yêu cầu về kết quả học tập.
3. Học sinh khuyết tật không đủ khả năng đáp ứng các yêu cầu của chương trình giáo dục THCS, THPT được đánh giá dựa trên sự nỗ lực, tiến bộ của học sinh và không xếp loại đối tượng này.

Chương IV

SỬ DỤNG KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI

Điều 15. Lên lớp hoặc không được lên lớp

1. Học sinh có đủ các điều kiện dưới đây thì được lên lớp:
 - a) Hạnh kiểm và học lực từ trung bình trở lên;

- b) Nghỉ không quá 45 buổi học trong một năm học (nghỉ có phép hoặc không phép, nghỉ liên tục hoặc nghỉ nhiều lần cộng lại).
2. Học sinh thuộc một trong các trường hợp dưới đây thì không được lên lớp:
- a) Nghỉ quá 45 buổi học trong năm học (nghỉ có phép hoặc không phép, nghỉ liên tục hoặc nghỉ nhiều lần cộng lại);
- b) Học lực cả năm loại Kém hoặc học lực và hạnh kiểm cả năm loại yếu;
- c) Sau khi đã được kiểm tra lại một số môn học, môn đánh giá bằng điểm có điểm trung bình dưới 5,0 hay môn đánh giá bằng nhận xét bị xếp loại CĐ, để xếp loại lại học lực cả năm nhưng vẫn không đạt loại trung bình.
- d) Hạnh kiểm cả năm xếp loại yếu, nhưng không hoàn thành nhiệm vụ rèn luyện trong kì nghỉ hè nên vẫn bị xếp loại yếu về hạnh kiểm.

Điều 16. Kiểm tra lại các môn học

Học sinh xếp loại hạnh kiểm cả năm học từ trung bình trở lên nhưng học lực cả năm học xếp loại yếu, được chọn một số môn học trong các môn học có điểm trung bình cả năm học dưới 5,0 hoặc có kết quả xếp loại CĐ để kiểm tra lại. Kết quả kiểm tra lại được lấy thay thế cho kết quả xếp loại cả năm học của môn học đó để tính lại điểm trung bình các môn cả năm học và xếp loại lại về học lực; nếu đạt loại trung bình thì được lên lớp.

Điều 17. Rèn luyện hạnh kiểm trong kì nghỉ hè

Học sinh xếp loại học lực cả năm từ trung bình trở lên nhưng hạnh kiểm cả năm học xếp loại yếu thì phải rèn luyện thêm hạnh kiểm trong kì nghỉ hè, hình thức rèn luyện do hiệu trưởng quy định. Nhiệm vụ rèn luyện trong kì nghỉ hè được thông báo đến gia đình, chính quyền, đoàn thể xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã) nơi học sinh cư trú. Cuối kì nghỉ hè, nếu được Ủy ban nhân dân cấp xã công nhận đã hoàn thành nhiệm vụ thì giáo viên chủ nhiệm đề nghị hiệu trưởng cho xếp loại lại về hạnh kiểm; nếu đạt loại trung bình thì được lên lớp.

Điều 18. Xét công nhận học sinh giỏi, học sinh tiên tiến

1. Công nhận đạt danh hiệu học sinh giỏi học kì hoặc cả năm học, nếu đạt hạnh kiểm loại tốt và học lực loại giỏi.
2. Công nhận đạt danh hiệu học sinh tiên tiến học kì hoặc cả năm học, nếu đạt hạnh kiểm từ loại khá trở lên và học lực từ loại khá trở lên.

Chương V

TRÁCH NHIỆM CỦA GIÁO VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ GIÁO DỤC VÀ CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ GIÁO DỤC

Điều 19. Trách nhiệm của giáo viên bộ môn

1. Thực hiện đầy đủ số lần kiểm tra; trực tiếp chấm bài kiểm tra, ghi điểm hoặc mức nhận xét (đối với các môn kiểm tra bằng nhận xét), ghi nội dung nhận xét của người chấm vào bài kiểm tra; trực tiếp ghi điểm hoặc mức nhận xét (đối với các môn kiểm tra bằng nhận xét) vào sổ gọi tên và ghi điểm; đối với hình thức kiểm tra miệng, giáo viên phải nhận xét, góp ý kết quả trả lời của học sinh trước lớp, nếu quyết định cho điểm hoặc ghi nhận xét (đối với các môn kiểm tra bằng nhận xét) vào sổ gọi tên và ghi điểm thì phải thực hiện ngay sau đó.
2. Tính điểm trung bình môn học (đối với các môn học đánh giá bằng cho điểm), xếp loại nhận xét môn học (đối với các môn học đánh giá bằng nhận xét) theo học kì, cả năm học và trực tiếp ghi vào sổ gọi tên và ghi điểm vào học bạ.
3. Tham gia đánh giá, xếp loại hạnh kiểm từng học kì, cả năm học của học sinh.

Điều 20. Trách nhiệm của giáo viên chủ nhiệm

1. Kiểm tra sổ gọi tên và ghi điểm của lớp; giúp Hiệu trưởng theo dõi việc kiểm tra cho điểm, mức nhận xét theo quy định của Quy chế này.
2. Tính điểm trung bình các môn học theo học kì, cả năm học; xác nhận việc sửa chữa điểm, sửa chữa mức nhận xét của giáo viên bộ môn trong sổ gọi tên và ghi điểm, trong học bạ.
3. Đánh giá, xếp loại hạnh kiểm và học lực từng học kì, cả năm học của học sinh. Lập danh sách học sinh đề nghị cho lên lớp, không được lên lớp; học sinh được công nhận là học sinh giỏi, học sinh tiên tiến; học sinh phải kiểm tra lại các môn học, học sinh phải rèn luyện về hạnh kiểm trong kì nghỉ hè.
4. Lập danh sách học sinh đề nghị khen thưởng cuối học kì, cuối năm học.
5. Ghi vào sổ gọi tên và ghi điểm và vào học bạ các nội dung sau đây:
 - a) Kết quả đánh giá, xếp loại hạnh kiểm và học lực của học sinh;

- b) Kết quả được lên lớp hoặc không được lên lớp, công nhận học sinh giỏi, học sinh tiên tiến học kì, cả năm học, được lên lớp sau khi kiểm tra lại hoặc rèn luyện hạnh kiểm trong kì nghỉ hè;
 - c) Nhận xét đánh giá kết quả rèn luyện toàn diện của học sinh trong đó có học sinh có năng khiếu các môn học đánh giá bằng nhận xét.
6. Phối hợp với Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và Ban Đại diện cha mẹ học sinh của lớp để tổ chức các hoạt động giáo dục học sinh.

Điều 21. Trách nhiệm của Hiệu trưởng

- 1. Quản lí, hướng dẫn giáo viên, nhân viên, học sinh thực hiện và phổ biến đến gia đình học sinh các quy định của Quy chế này; vận dụng quy định của Quy chế này để đánh giá, xếp loại học sinh khuyết tật.
- 2. Kiểm tra việc thực hiện quy định về kiểm tra, cho điểm và đánh giá nhận xét của giáo viên. Hàng tháng ghi nhận xét và kí xác nhận vào sổ gọi tên và ghi điểm của các lớp.
- 3. Kiểm tra việc đánh giá, xếp loại, ghi kết quả vào sổ gọi tên và ghi điểm, vào học bạ của giáo viên bộ môn, giáo viên chủ nhiệm; phê chuẩn việc sửa chữa điểm, sửa chữa mức nhận xét của giáo viên bộ môn khi đã có xác nhận của giáo viên chủ nhiệm.
- 4. Tổ chức kiểm tra lại các môn học theo quy định tại Điều 16 Quy chế này; phê duyệt và công bố danh sách học sinh được lên lớp sau khi có kết quả kiểm tra lại các môn học, kết quả rèn luyện về hạnh kiểm trong kì nghỉ hè.
- 5. Kiểm tra, yêu cầu người có trách nhiệm thực hiện Quy chế này phải khắc phục ngay sai sót trong những việc sau đây:
 - a) Thực hiện chế độ kiểm tra cho điểm và mức nhận xét; ghi điểm và các mức nhận xét vào sổ gọi tên và ghi điểm, học bạ; xếp loại hạnh kiểm, học lực học sinh;
 - b) Sử dụng kết quả đánh giá, xếp loại hạnh kiểm và học lực của học sinh.
- 6. Xét duyệt danh sách học sinh được lên lớp, không được lên lớp, danh hiệu thi đua, kiểm tra lại các môn học, rèn luyện hạnh kiểm trong kì nghỉ hè. Phê duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh trong sổ gọi tên và ghi

điểm vào học bạ sau khi tất cả giáo viên bộ môn và giáo viên chủ nhiệm đã ghi nội dung.

- Quyết định xử lý theo thẩm quyền, đề nghị các cấp có thẩm quyền quyết định xử lý đối với tổ chức, cá nhân vi phạm; quyết định khen thưởng theo thẩm quyền, đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng đối với tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc thực hiện Quy chế này.

Điều 22. Trách nhiệm của phòng giáo dục và đào tạo, của sở giáo dục và đào tạo

Quản lý, chỉ đạo, kiểm tra các trường học thuộc quyền quản lý thực hiện Quy chế này; xử lý các sai phạm theo thẩm quyền.

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG

(Đã ký)

Nguyễn Vinh Hiển



F. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Minh Hạc, *Về phát triển toàn diện con người trong thời kỳ công nghiệp hoá – hiện đại hoá*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002.
2. Nguyễn Văn Hộ, *Thích ứng sự phạm*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2000.
3. Trần Hậu Kiềm, *Đạo đức học*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1997.
4. Hà Thế Ngữ, *Giáo dục học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2001.
5. Hà Thế Ngữ – Đặng Vũ Hoạt, *Giáo dục học, Tập 2*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1988.
6. Hà Nhật Thăng, *Tổ chức hoạt động giáo dục trong trường phổ thông*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2000.
7. Hà Nhật Thăng, *Công tác giáo viên chủ nhiệm lớp ở trường phổ thông*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2005.
8. Hà Nhật Thăng, *Phương pháp công tác giáo của người giáo viên chủ nhiệm lớp ở trường trung học phổ thông*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2008.
9. Thái Duy Tuyên, *Giáo dục học hiện đại*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2001.
10. Phạm Viết Vượng, *Giáo dục học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2000.
11. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông*.
12. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Điều lệ Trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học*.